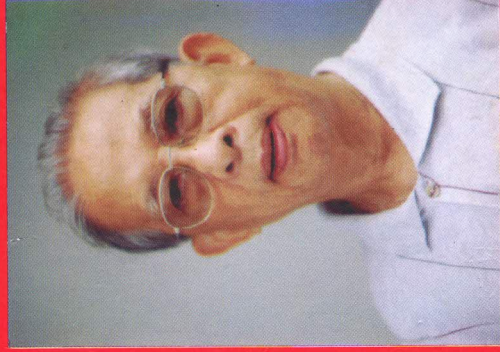


TỈNH ỦY HÀ NAM



TRẦN QUỐC HƯƠNG  
**NHÂN CÁCH VÀ KỶ TÍCH**

*Tác giả Trần Giang*



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN

959.737.092  
TR 121 Q

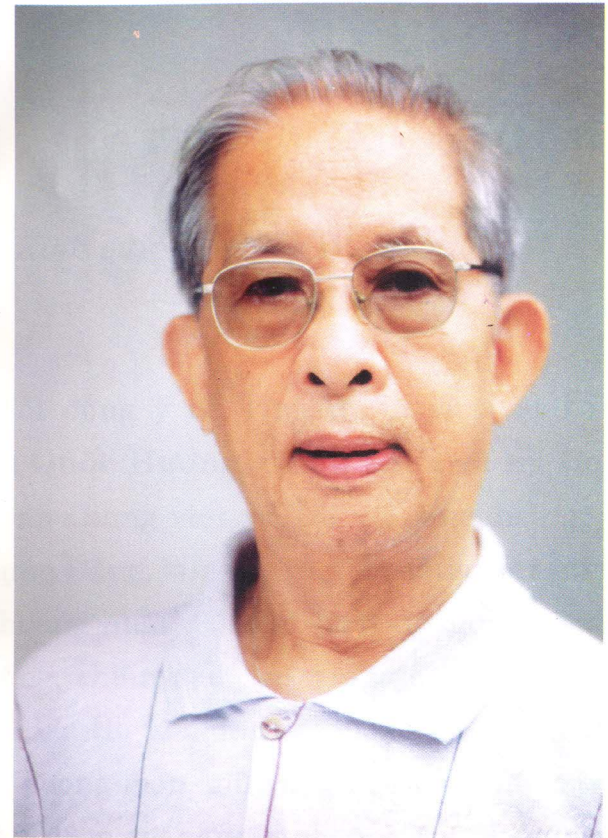
Tác giả **TRẦN GIANG**

**TRẦN QUỐC HƯƠNG**  
**NHÂN CÁCH VÀ**  
**KỶ TÍCH**

ĐC: 599

**THƯ VIỆN**  
**TỈNH HÀ NAM**

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN**



*Đồng chí  
Trần Quốc Hương  
đã được nhà nước trao tặng:*

**Huân chương Sao vàng  
Huân chương Hồ Chí Minh  
Huân chương Độc lập hạng Nhất  
Huân chương Quân công hạng Nhất  
Và nhiều huân huy chương khác**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19/11/2012

*Kính gửi:* - Tỉnh ủy Hà Nam  
- Báo Hà Nam

Tôi đồng ý để Tỉnh ủy in và xuất bản sách “**Trần Quốc Hương, Nhân cách và kỳ tích**”, tác giả Trần Giang viết về Tôi với mục đích góp phần xây dựng Đảng, làm cho cán bộ, đảng viên, nhân dân địa phương hiểu cuộc đời hoạt động cách mạng của tôi; sống, chiến đấu, lao động và học tập theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại, theo đường lối, cương lĩnh của Đảng; gương mẫu, giữ vững đoàn kết nhất trí trong Đảng. Tôi mong rằng lãnh đạo địa phương cùng cả nước xây dựng nước ta ngày càng giàu có, vững mạnh.

Thân ái!



**Trần Quốc Hương**

## LỜI NGƯỜI VIẾT

Những năm 1960, công tác tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, tôi ở Tổ tổng kết chuyên đề Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của Việt Nam. Để chuẩn bị cho chuyên đề này, tôi được Ban giao viết cuốn *Tìm hiểu Cách mạng Tháng Tám*, Nhà xuất bản Sự Thật phát hành năm 1967 và cuốn *Cách mạng Tháng Tám (1945)*, Nhà xuất bản Sự thật phát hành năm 1970. Cuốn sau được tái bản 5 lần nữa. Khi làm việc ở Tổ tổng kết và viết hai cuốn sách nói trên, do đồng chí Trường Chinh làm Trưởng Ban trực tiếp chỉ đạo và hướng dẫn, tôi đã được nghe đồng chí Trường Chinh nhắc đến nhiều sự kiện quan trọng của thời kỳ sôi động cách mạng, mà hồi đó đồng chí làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, người chủ chốt lãnh đạo cuộc cách mạng.

Đồng chí Trường Chinh nêu tên nhiều nhân vật lịch sử đã giúp việc Trung ương rất đặc lực trong thời kỳ vô cùng khó khăn, ác liệt và trong cao trào chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, trong đó có ông Mười Hương.

Nhắc đến bản Đề cương Văn hóa được hội nghị Ban Thường vụ Trung ương thông qua ở làng chài Vọng La năm 1943, đồng chí Trường Chinh nói: "Tôi là người giao cho anh "Hương đen" mang tài liệu đó đưa cho anh Đặng Thai Mai, anh Đặng Thai Mai dựa vào nội dung bản Đề cương ấy viết cuốn *Văn học Khái luận*, do Hàn Thuyên xuất bản ở Hà Nội năm 1944".

Kể lại chuyện đi vào Thành phố Hà Nội tháng 11/1944 để họp giữa đại diện của Việt Minh với đại biểu một số người cộng sản trong quân đội lê dương của Pháp, đại diện phái tả Đảng Xã hội Pháp và một đại biểu phái de Gaulle

(Đờ Gôn), bàn việc phối hợp hoạt động chống phát xít Nhật – Pháp, đồng chí Trường Chinh cho biết, việc chuẩn bị nơi họp cũng như việc bố trí đưa đón vào nội thành, đồng chí giao cho anh Hương đen.

Từ lâu, Trung ương Đảng đã thấy trước bọn phát xít Nhật và Pháp cùng cai trị Đông Dương mâu thuẫn với nhau, chúng đang chuẩn bị sửa soạn tiến tới chỗ tao sống mày chết, quyết liệt lật đổ nhau đến mức như cái nhọt bọc chỉ chờ dịp chín mồm là vỡ tung ra. Tuy nhiên, đồng chí Trường Chinh kịp thời triệu tập họp Ban Thường vụ Trung ương mở rộng vào chập tối ngày 9/3/1945 tại chùa Đồng Kỵ, đúng vào lúc Nhật nổ súng lật Pháp là nhờ nắm bắt được nhiều nguồn tin quan trọng, trong đó có nguồn do ông Mười Hương, qua người bạn làm trong Phòng Thông tin của Nhật cung cấp cho biết, Nhật đã phát 10 ngày lương khô cho quân lính và cắm trại để chuẩn bị chiến đấu.

Đồng chí Trường Chinh còn kể một số việc làm nữa đóng góp có kết quả xuất sắc của ông Mười Hương trong thời kỳ ở ATK (An toàn Khu) và những ngày đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta; mỗi khi nhắc đến ông Mười Hương, một trong những người giúp việc thân cận, đồng chí Trường Chinh thường tỏ ra rất tin cậy, quý mến.

Có một điều tôi muốn lưu ý là mỗi khi nhắc đến người có tên Hương đó, lần nào anh cũng kèm thêm một tính từ đen là “Hương đen”. Có lúc, tôi đã định hỏi, nhưng vì những sự kiện đồng chí đang kể cần chú ý theo dõi, cho nên tôi không dám cắt ngang. Tôi nghĩ đồng chí Trường Chinh da trắng trẻo, còn da mặt ông Hương chắc ngăm đen. Mãi sau này được gặp tôi mới biết, da ông không đen như trí tưởng tượng của tôi. Đồng chí Trường Chinh gọi như thế là vì ngoài bí danh Hương, ông Mười Hương có lúc còn lấy bí danh Đen, ông Trường Chinh ghép cả hai bí danh lại thành “Hương Đen”. Đồng chí Trường Chinh phải luôn luôn ghép

hai bí danh đó lại là vì, nếu không sẽ nhầm với đồng chí Hạ Bá Cang (tức đồng chí Hoàng Quốc Việt), Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, lúc đó cũng lấy bí danh là Hương.

Cũng vào thời kỳ đó, anh Lâm Thao (Bùi Huy Thục), người Phú Thọ hoạt động từ những năm 1940, cùng công tác ở Ban thuộc Tổ nghiên cứu Lãnh tụ Hồ Chí Minh, có một lần nói với tôi: “Anh Hương giúp việc cho anh Trường Chinh cho đi hời Cách mạng Tháng Tám, được anh Trường Chinh cho đi Nam công tác, bị Ngô Đình Diệm bắt rồi, bọn Nhà Ngô chống cộng kịch liệt lắm, chưa biết số phận anh Hương ra sao? Chắc khó sống!”. Sau đó, tôi biết tin đó do anh Vũ Quốc Uy, bạn của anh Lâm Thao cung cấp. Anh Vũ Quốc Uy cũng là bạn của ông Mười Hương, hời cùng hoạt động trong Văn hóa cứu quốc những năm 1944-1945.

Nghe nói tới anh Hương thì nhiều, nhưng tôi chưa một lần gặp, mãi sau khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, thống nhất, ông Mười Hương làm Phó Chủ nhiệm thứ nhất Ủy ban Thanh tra Nhà nước tôi mới lần đầu tiên được tiếp xúc. Lúc này thì tôi đã được đọc cuốn *Ông cố vấn* của nhà văn quân đội Hữu Mai viết về nhà tình báo nổi tiếng Vũ Ngọc Nhạ; rồi *Điệp viên giữa sa mạc lửa* của Nhị Hồ trong đó có vai trò điệp viên Lê Nguyên Vũ... Các nhân vật đó đều nằm trong mạng lưới tình báo dưới sự tổ chức và chỉ đạo của ông Mười Hương.

Sau khi ông Mười Hương bị trọng bệnh, đi lại khó khăn, không đảm đương nhiệm vụ hàng ngày do Đảng và Nhà nước giao nữa, nhà riêng ông ở đường Tú Xương, Thành phố Hồ Chí Minh, tôi làm Chủ nhiệm công trình khoa học cấp Nhà nước Lịch sử Khởi nghĩa Nam Kỳ, tôi mới thường hay được gặp ông, ông có những lời nhắc nhở chân tình, động viên khuyến khích tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ; đồng thời qua những buổi tiếp xúc, nghe nhiều chuyện lịch sử ông kể lại, mỗi lần một ít, càng ngày tôi càng hiểu biết thêm nhiều về ông.

Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Hải đã đánh giá ông – *Trần Quốc Hương – Người Thầy của những nhà tình báo huyền thoại*, Nhà Xuất bản Công an Nhân dân phát hành đầu năm 2004. Điều đó quá đúng, bởi vì ông đã góp công tạo nên những nhà tình báo có những chiến tích ly kỳ và lớn trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ của Việt Nam như Lê Hữu Thúy, Phạm Xuân Ân, Phạm Ngọc Thảo, Vũ Ngọc Nhạ và một số nữa, mang sắc thái hoàn toàn Việt Nam, mưu trí, gan dạ và lập nhiều chiến công rực rỡ chẳng kém gì những nhà tình báo tầm cỡ trên thế giới.

Tuy nhiên, theo tôi đánh giá ông Mười Hương không chỉ dừng lại ở các “kỳ tích”, những chiến công cụ thể về an ninh tình báo mà ông đã đóng góp với cách mạng Việt Nam thời kỳ chống đế quốc Mỹ, mà cần nhìn sâu xa hơn về “nhân cách” của ông, bản chất con người ông, những cống hiến của ông từ thời kỳ trước. Đó chính là cái gốc để ông tạo nên những kỳ tích và những kỳ tích ông đã có được lại càng làm nổi rõ cái nhân cách, cái bản chất đẹp của ông. Hai mặt đó quan hệ mật thiết xoắn xuýt với nhau, như người ta thường nói, mối quan hệ của “Đức và Tài”.

Ông thừa hưởng lòng yêu nước, quý lao động, sống tôn trọng, thân ái với mọi người, từ gia đình, quê hương ông. Những đức tính quý báu đó được nhân lên gấp bội khi ông theo cách mạng, đứng vào hàng ngũ Đảng Cộng sản. Đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng, tổ chức Đảng đáp ứng đúng lý tưởng, nguyện vọng đúng đắn của ông. Ông tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào đường lối, tổ chức Đảng và sự thành công cuối cùng do Đảng, đứng đầu là Bác Hồ đã đề ra. Thật ngẫu nhiên và may mắn cho ông, chẳng mấy người có được là ngay bước đầu, từ lúc dẫn thân theo cách mạng, ông lại được gần gũi các nhà lãnh đạo mẫu mực, xuất sắc như các đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Lương Bằng..., rồi cả Bác Hồ khi Bác về Hà Nội cuối Tháng Tám 1945 và học tập

những đức tính quý báu, những sự hướng dẫn tận tình của các bậc tiền bối đàn anh đó, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của bản thân, tạo nên nhân cách Mười Hương. Thật vậy, con đường do Đảng vạch ra, đường lối chính sách, tổ chức Đảng, những lời chỉ bảo của Bác Hồ, đồng chí Trường Chinh đã tạo cho ông Mười Hương có hướng đi dứt khoát, có sức mạnh lý tưởng, tinh thần tự giác, vượt mọi khó khăn gian nan nguy hiểm, hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ được giao, đặc biệt vượt qua được 6 năm bị gia đình họ Ngô giam giữ, mạng sống của ông chỉ còn treo trên sợi tóc, để rồi lại trở về với cách mạng tiếp tục hoạt động.

Nhân cách kiên cường, bất khuất của những người cách mạng trong suốt quá trình cuộc chiến đấu lâu dài chống lại những kẻ thù xâm lược ở nước ta có rất nhiều, tới hàng nghìn, hàng vạn. Tuy nhiên, những người vẫn giữ vững lòng tin vào cách mạng, vào tổ chức Đảng, ngay cả lúc bản thân mình đang bị tố cáo không đúng, mà vẫn giữ bình tĩnh, có phương pháp kiên trì xử lý tốt để làm cho rõ ràng, minh bạch thì không nhiều lắm. Chính bản thân ông cuối năm 1963, sau khi những người đối lập ở trong Nam lật đổ sự thống trị tàn bạo của họ Ngô, ông thoát tù, trở về và đã được tổ chức Đảng nơi ông sinh hoạt, lãnh đạo ông xác minh, kết luận rõ ràng ông là người tốt, giữ vững lòng trung thành với cách mạng, không khai báo, ông vẫn bị tố cáo: Vì sao biết ông là người phụ trách an ninh quan trọng được chế độ cộng sản miền Bắc phái vào Nam mà họ Ngô không giết ông? Mà đơn tố cáo đâu chỉ một lần, mỗi khi đến kỳ bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng là lại xuất hiện đơn tố.

Nhân cách, bản chất con người của ông Mười Hương không phải chỉ giữ cho mình, mà ông thường xuyên giữ vững tính nguyên tắc, tổ chức Đảng, kiên quyết đấu tranh với những tư tưởng, hành động sai trái của người khác; đồng thời kiên trì bảo vệ, minh oan cho những đồng chí bị xử lý

sai không đúng hoặc quá mức. Lớp người như thế không nhiều, bởi vì trong thực tế cuộc sống hàng ngày, trong tổ chức, sinh hoạt Đảng, trong cơ quan làm việc của Đảng, đoàn thể quần chúng và Nhà nước, trong hoàn cảnh Đảng cầm quyền, không phải không có một số người vì lợi ích cá nhân “Thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh”, thậm chí còn a dua tâng bốc người phụ trách đang nắm quyền thế; “ăn theo, nói leo”; nói và làm “tiền hậu bất nhất”...

Trong cuộc sống và làm việc của một đời người, không có ai làm việc gì, lúc nào cũng hoàn toàn đều đúng, không có sai. Nhưng, những người có những cống hiến đóng góp lớn, xuất sắc; đúng nhiều sai ít, không vi phạm điều lệ của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đúng là cơ bản, bản chất; khuyết điểm, thiếu sót không cố tình, cố ý, có hoàn cảnh nhất định, sau khi biết lại chân thành sửa chữa, thì rất đáng được ghi lại làm gương cho đời, cho mọi người, nhất là với lớp trẻ. Lịch sử không bao giờ lặp lại, nhưng lại là những bài học kinh nghiệm cho những người kế tiếp học tập để ứng phó với những tình huống tương tự.

Chính vì thế, tôi viết về **Con người - Sự nghiệp** của ông Mười Hương với nhan đề: **Nhân cách và Kỳ tích Trần Quốc Hương**.

Hoạt động của con người luôn luôn và bao giờ cũng gắn với lịch sử. Con người là hạt nhân sinh động của lịch sử, chính con người sáng tạo ra lịch sử. Tôi cố gắng bám sát diễn biến của lịch sử nước ta và thế giới, những năm ông Mười Hương hoạt động, dựa vào những tư liệu đã có thẩm tra, tin cậy, nhất là những nghị quyết, chỉ thị đúng, sáng tạo của Đảng, những tư liệu thành văn trong đó có những hồi ký đã được xác minh, để cố gắng diễn tả trung thực, có trách nhiệm. Có điều gì sơ suất, chưa đúng hoặc còn thiếu sót xin được chỉ bảo để tôi bổ khuyết và sửa chữa.

**TRẦN GIANG**

## PHẦN THỨ NHẤT

### TUỔI TRẺ DẤN THÂN THEO CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG

#### I

Ông Mười Hương sinh ngày 20 tháng 12 năm 1924, tên khai sinh và lúc đi học là Trần Ngọc Ban. Như nhiều người hoạt động thời kỳ bí mật và kháng chiến, ông Mười Hương, tên thường gọi hiện nay, tùy lúc, tùy nơi tùy hoàn cảnh, còn có nhiều bí danh khác như Hương Con, Đen, Ly, Trang (tên người yêu) thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám; từ khi vào Nam lấy căn cước với tên mới là Trần Ngọc Trí (tên người anh ruột đã chết); còn sinh hoạt trong quần chúng có nhiều bí danh anh Hai, anh Bẩy, anh Mười... Đến khi Chính phủ nước ta tiến hành điều tra dân số, ông mang tên Trần Quốc Hương (Mười Hương) cho đến nay.

Quê ông ở xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Đây là vùng đồng chiêm đất trũng, đến mùa mưa, đồng ngập trắng xóa; mùa lúa chiêm lại khô, hạn thiếu nước làm ruộng, người ta thường nói “chiêm khê mùa thối” là thế. Dân làng ít ruộng nghèo lắm, mùa nông nhàn và mùa nước ngập đàn ông, đàn bà phải đi làm thuê, làm mướn khắp nơi, làm đủ mọi nghề từ thợ hồ, thợ mộc đến các công việc khác... Những năm 1927-1929, do mất mùa nhiều trai tráng nghèo quá không còn đường thoát phải chấp nhận ký “công - ta” đi làm phu đồn điền cao su ở mãi tận đất Nam kỳ, để lại cho gia đình vài đồng bạc qua cơn đói, nhiều người vĩnh viễn không trở về, bỏ xác tại gốc cao su. Ở Hà Nam có toán



thanh niên, các anh Trần Tử Bình (ở quê gọi là Phú), vì nghèo quá cũng phải kéo nhau đi phu, vào làm trong đồn điền các Sở cao su Dầu Tiếng, Phú Riêng..., rồi tham gia phong trào bãi công những năm 1929-1930 do Đảng Cộng sản lãnh đạo ở đó.

Tuy nghèo, nhưng làng ông có tiếng yêu nước. Cụ Phan Bội Châu hay qua lại vùng quê ông, khi Cụ đề xuất “Đông Du”, những người có danh vọng yêu nước, sĩ phu vùng ông hưởng ứng, cho con, cháu sang Nhật theo Cụ Phan khá nhiều, có người ở lại luôn bên đó sinh cơ lập nghiệp cắm rễ luôn ở đó, như dân ta thường nói “đất lành chim đậu”.

Ông có người cậu tìm đường lên tận Yên Thế (Bắc Giang), theo ông Đề Thám, làm đốc phu chỉ huy một đơn vị chiến đấu chống thực dân Pháp, dưới trướng ông Đề gần 30 năm. Sau khi ông Hoàng Hoa Thám bị giặc Pháp giết, Tây bắt ông và đưa về quản chế tại làng.

Ông chú của bố ông, có học nhưng đi thi không thành đạt, mấy lần “lều chõng” mà chẳng đỗ cao, bạn thân của nhà thơ yêu nước khí khái Tam Nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến và là kẻ sỹ được dân làng quanh vùng quý trọng.

Hồi phong trào công nông năm 1930 do Đảng Cộng sản lãnh đạo, cùng với nông dân bên các tỉnh Thái Bình, Nam Định, dân làng vùng quê ông ở Hà Nam cũng sôi nổi đánh trống, đánh mõ, kéo nhau đi biểu tình đòi giảm thuế, chống thuế, chống phụ thu lạm bổ, chống đi phu ở xã Bồ Đề bên cạnh.

Gia đình ông từ cảnh người trung nông, tu chí lao động làm ăn mà đi lên. Mẹ ông kể lại thừa hàn vi, bố ông rất có hiếu với cha mẹ. Bố ông đi làm nghề ở Phủ Lý, tỉnh lỵ Hà Nam, cách làng khoảng 20 kilômét, gặp lúc mẹ ốm, suốt thời gian đó, ngày nào cũng cuốc bộ sáng đi tối về trông nom săn sóc mẹ, cho đến khi mẹ qua đời. Chuyện ấy mãi mãi in đậm nét trong trí nhớ của ông.

Cha ông tên là Trần Đức Tân, giỏi nghề mộc, có lúc làm thợ đóng xe bò cho hiệu Đồng Lợi, một cơ sở của Đông Kinh Nghĩa Thực tại Phủ Lý.

Sau khi lập gia đình, nhờ có chí làm ăn, lại tần tiện, có uy tín tay nghề cao, từ thợ cả cha ông đứng ra nhận thầu, lúc đầu những công việc nhỏ rồi đến lớn, như các việc đóng đồ, làm nhà... Nhờ đó, gia đình ngày càng khá giả, cho các con học hành chu đáo. Vào năm đói Ất Dậu 1945 gia đình ông tậu được vài mẫu ruộng ở quê, khi đó ông Mười Hương đã thoát ly. Chính vì thế, sau này lúc Chính phủ ta phát động giảm tô, cải cách ruộng đất, cha ông bị đội phát động giảm tô, cải cách ruộng đất quy là địa chủ.

Tuy trở thành ông chủ, nhưng cha ông vẫn giữ những đức tính quý của người lao động, quan hệ bình đẳng với người giúp việc, công lao sòng phẳng, ai bị ốm đau hoặc có việc ma chay, cưới hỏi, ông đều chăm sóc tận tình, chu đáo, cho nên được mọi người chung quanh quý trọng, thương mến.

Mẹ ông, bà Trần Thị Nhàn, một người lao động, hiền lành, chất phác, như hầu hết đàn bà ở nông thôn xưa, theo tục lệ cũ không được gia đình cho đi học; nhưng bà lại thông minh, có trí nhớ tốt, thuộc rất nhiều ca dao, tục ngữ, truyện Kiều bà đọc lâu lâu nhiều đoạn dài, đó là kho tàng chuyện kể của ông thời thơ ấu. Mẹ ông cần cù lao động, tất cả vì chồng, vì con, lấy việc chăm lo gia đình “thờ chồng nuôi con” làm nghĩa vụ và vinh dự. Đối với các con, bà thường khuyên dạy làm những điều tốt việc thiện, “thấy ai hoạn nạn thì thương”, ai gặp khó khăn thì giúp đỡ, đừng có làm việc ác, gây chuyện hằn thù với ai, gặp người xấu, đối xử không ứng, thì “chín bỏ làm mười”; đừng theo cảnh “chưa đánh được người thì mặt đỏ như vang, đánh được người rồi thì mặt vàng như nghệ”...

Về sau này ông nghĩ lại, đó cũng là một mặt, một phần của “chữ nhân”, “chữ nhĩn” mà ông thừa hưởng ở mẹ ông.

Cha ông vốn xuất thân từ gia đình nhà nho, không theo được con đường khoa cử, nhưng vẫn rất trọng chữ “thánh hiền”, thấy giấy có chữ nho là bắt phải đem đốt, không được dùng gói đồ bán. Đến thời không còn trường dạy chữ nho, các trường đều học chữ quốc ngữ, ông vẫn tìm thầy, bắt các con phải học thêm chữ nho. Ông nói: “Các con phải học chữ nho để giữ đạo lý làm người. Nhưng thời thế đã thay đổi, bây giờ thế nào cũng phải học chữ Tây để kiếm ăn sinh sống”. Ông khuyên các con cố gắng chăm học để trở thành người hữu ích.

Cha ông có nghị lực làm việc, biết cách tổ chức làm ăn, biết cách xây dựng gia đình, chăm lo cho vợ, cho các con, cho người thân rất chu đáo. Đối với họ hàng làng xóm thì giữ vững quan hệ tốt, ứng xử đàng hoàng, không để một ai chê trách.

Trong giáo dục gia đình, tính ông nghiêm, nhưng không bao giờ dùng lời dung tục, to tiếng và đánh chửi các con. Nếu các con có nói hoặc làm điều không đúng, ông không nói ngay, mà lựa lúc lấy các chuyện xưa, tích cũ ôn tồn chỉ bảo, làm cho các con thấm sâu, nhớ kỹ. Từ kinh nghiệm của bản thân và nhiều người chung quanh làng xóm, ông khuyên các con phải chăm chỉ học tập, làm việc, cố gắng học lấy một nghề cho thông thạo “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”, có nghề là có ăn, không nghề thì chỉ đi hầu hạ mọi người.

Cha ông có tinh thần dân tộc, trọng người làm cách mạng, nhưng không tham gia, phần sợ bị bắt, bị tù đầy, phần phải lo nuôi sống toàn gia đình, đông con nhiều cháu. Cuối năm 1944, sau mấy năm thoát ly, trên đường đi công tác, ông Mười Hương tranh thủ về thăm cha mẹ, cha ông không rầy la gì, chỉ nhắc ông: “Con lớn rồi, con có chí của con, thầy không cản, chỉ khuyên con có làm thì làm cho tới nơi, đừng bao giờ để lụy người khác”.

Năm 1946, toàn quốc kháng chiến bùng nổ, cha ông chấp hành tốt lệnh “phá hoại kháng chiến” về quê ít lâu, rồi lên Cốc Thôn (Chi Nê, tỉnh Hòa Bình), tăng gia sản xuất

nuôi gia đình, với mức sống trung nông. Có người khuyên ông về Phủ Lý cho đỡ khổ, lúc đó địch còn chiếm Phủ Lý, ông nhất định không nghe. Đến 1954, ta chiến thắng, Pháp phải rút khỏi miền Bắc, ông cùng gia đình mới về nơi cũ. Ông mất 1958, thọ 78 tuổi.

Một lần, người anh thứ ba và ông Mười Hương về thăm quê. Đồng chí Bí thư chi bộ địa phương đến chơi, nói với anh em ông Mười Hương:

- Chúng tôi biết các ông tham gia cách mạng từ lâu và có chức quyền cao, nhưng chưa có đóng góp thiết thực gì cho địa phương, còn hai Cụ thì nhân dân địa phương và chúng tôi biết ơn nhiều. Hội phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, Đội phát động quần chúng đã tìm người thân trong gia đình bồi dưỡng thành rế chuỗi đấu tố các Cụ, nhưng dân chúng chúng tôi không tin. Nhân dân ở đây ai cũng biết và nhớ ơn năm đói Ất Dậu 1945, nhiều người đã chết đói, nhờ hai Cụ bỏ lăm lúa giúp dân, không thì còn nhiều người chết nữa. Nhân dân địa phương chúng tôi cảm ơn hai Cụ và gia đình nhiều lắm, chẳng bao giờ quên.

Anh cả ông Mười Hương noi theo nghiệp bố làm thầu khoán, dựa vào cơ ngơi, uy tín của gia đình và nhờ có học, lại thông minh, tháo vát, cho nên nhận thầu các công việc lớn hơn như xây nhà, xây cầu, làm đường... Đời sống của gia đình ông thêm sung túc.

Theo nếp sống của hệ thống quan hệ gia tộc cũ, quyền cao nhất là cha, rồi đến anh, người anh đến tuổi trưởng thành có quyền thay cha, gọi là “quyền huynh thế phụ”. Anh cả ông Mười Hương là Trần Ngọc Trí làm ăn khá giả, sớm có vị trí trong xã hội, cho nên lúc bé ông Mười Hương cũng bị người anh cả ne nét bắt vào khuôn, vào phép, nhất là việc học hành. Hàng ngày học xong ở trường, có quy định giờ bắt buộc ông phải học thêm ở nhà. Khi đã làm, học xong bài của trường, anh ông còn dạy và bắt làm thêm toán, ngữ

Quý, người thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, sớm

tham gia Đảng Cộng sản, bị Pháp bắt và đưa đi tù ở Sơn La  
mấy năm. Ra tù ông tiếp tục thoát lý gia đình, đi làm cách  
mạng chuyên nghiệp, viết cho các báo của Đảng như báo

Đời Nay và lúc về Hà Nam, ông được cấp trên cử làm  
Trưởng ban cán sự Tỉnh ủy Hà Nam, núp dưới danh nghĩa  
làm nghề gia sư để tổ chức và lãnh đạo phong trào Mặt

trần dân chủ của tỉnh một thời gian. Thời kỳ ông Mười  
Hương ở ATK (An toàn Khu), có lúc ông Nguyễn Đức Quý  
cùng về làm ở Công tác Đội Trung ương với ông Mười Hương;

rồi làm Trưởng ban Đại diện Đội ngoài của Chính phủ nước  
ta ở Thái Lan những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực  
dân Pháp quay lại xâm lược nước ta; rồi làm Thứ trưởng Bộ

Văn hóa trước khi về hưu...

Cùng thời kỳ này ở Phú Lý còn ông Rốc núp dưới vỏ  
bọc nhân viên cảnh sát của "Nhà nước" để tổ chức phong

trào Dân chủ ở Phú Lý. Ông Rốc là bạn của anh Mười  
Hương, thường qua lại nhà ông. Ông Rốc là người tuyền  
truyền giác ngộ ông Mười Hương, hướng dẫn ông Mười Hương

đọc sách, báo tiên bộ, tham gia các hoạt động trong phong  
trào Dân chủ, đi đây Truyên bá quốc ngữ, dự những buổi  
hợp với người lao động, làm thuê, làm mướn... rồi giới thiệu

ông Mười Hương vào Đoàn Thanh niên Dân chủ ở thị xã.  
Sau thời gian ở Phú Lý, ông Rốc được tổ chức phân  
công làm cán bộ Công vận của Xứ ủy Bắc Kỳ; năm 1941 bị  
mặt tham Pháp bắt ở Việt Trì (Phủ Thọ). Vì ông Rốc không  
chịu cung khai, cho nên ông bị chúng danh đến chết ngay  
tại phòng hỏi cung.

Thấy Đào Đình Luông (Nguyễn Đức Quý) và ông Rốc là  
những người đầu tiên hướng dẫn ông dân thân trên con  
đường cách mạng, theo lý tưởng, ước vọng của tuổi thanh  
niên, nhưng cũng đầy cam go, thử thách.

TỈNH HÀ NAM  
TƯ VIỆN

FC: 599

pháp... Mọi người ngồi một đầu bàn, bên cạnh người anh có

sân chiếc roi mây, nếu người em mệt quá ngủ gật, thì chiếc  
roi săn sàng quất. Có lần không thuộc bài, người anh còn  
bắt người em phải quỳ trên vỏ gai mít.

Bà mẹ thấy con trai bé bị đòn, xót con, không bằng  
lòng nói: "Nhà tao không có mã học giỏi. Mày đừng hãnh há  
nó thế, học được thì học, không học được thì có phải đi làm

thuê, làm mướn cũng được?".

Sau này, ông Mười Hương kể lại: Nhưng lần bị o ép bắt  
phải học và lại bị đòn nữa, lúc đó ông ức lắm, oán người anh  
lắm, nhưng nghĩ cho cùng thì anh ấy thương mình, mong cho

mình giỏi chữ có ghét bỏ gì đâu, cho nên ông rất cảm ơn người  
anh đã tận tình hướng dẫn chỉ bảo ông, nhờ đó mà trí tuệ ông  
thêm mở mang, biết thêm nhiều điều hay cũng như những điều

đó. Anh ông Mười Hương chết năm 1947, vì bệnh lao.

Hội đồ đang có phong trào Bình dân (1936-1939), ông  
Mười Hương đã đi học Trường Tiểu học Phú Lý. Ngoài giờ  
đi học ở trường, về nhà gia đình thuê một gia sư tên là thầy

Đào Đình Luông. Cùng với việc dạy thêm chữ Pháp, thầy  
còn dẫn đi nói nhiều chuyện về thời sự, nói về phong trào  
Bình dân bên Pháp, hướng cho người học trò của mình đi  
vào phong trào Thanh niên dân chủ ở Phú Lý, như đi bán  
báo, đi hội họp... Thấy nói rằng trong tất cả những nơi khó  
nhúc của người ta không có nơi khó, nơi nhúc nào bằng  
người dân bị mất nước, mà nước ta lại bị Pháp cai trị, bóc

lột, khổ lắm, nhúc lắm!

Thầy Luông giới thiệu tiếng nước ngoài như tiếng Pháp,  
tiếng Anh, cả tiếng Tàu nữa. Vì vậy, thầy được nhiều gia  
đình các ông Thông, ông Phan trong tỉnh thuê làm gia sư  
dạy thêm cho con cháu.

Về sau này, ông Mười Hương mới biết nhiều hơn về  
người thầy bạn đầu quy mến này. Ông tên là Nguyễn Đức

## II

Ngày 1/9/1939, phát xít Đức tung quân với lực lượng hùng hậu, vũ khí hiện đại, tiến chiếm Ba Lan - Chiến tranh Thế giới thứ hai chính thức bùng nổ và ngày càng lan rộng khắp thế giới. Rồi phát xít Đức tiến công, chiếm đóng một loạt nước ở châu Âu, trong đó có cả nước Pháp là nước đang cai trị và bóc lột nhân dân nước ta.

Tháng 9/1940, phát xít Nhật nhảy vào xâm chiếm Đông Dương. Lúc này thầy Luống đưa cho ông Mười Hương xem cuốn sách bằng tiếng Pháp “Chiến tranh châu Á và sự bành trướng của Nhật”, nhờ vậy nhận thức về tính chất cuộc chiến tranh thế giới của ông thêm vững vàng.

Chiến tranh chưa diễn ra trên toàn đất nước ta, nhưng tình hình mọi mặt của xã hội đã chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc chiến tranh, nhận nhạo lắm, từ cuối tháng 9/1940 đến giữa tháng 1/1941, đã có mấy nơi như Bắc Sơn thuộc tỉnh Thái Nguyên; hầu hết các tỉnh ở Nam Kỳ; rồi Đô Lương thuộc tỉnh Nghệ An, nhân dân và binh lính nổi dậy khởi nghĩa chống Pháp - Nhật.

Ông Mười Hương được gia đình cho lên Hà Nội học Trường Trung học Puginier. Đây là trường do Nhà Dòng quản lý. Học sinh vào trường này, nhất là học sinh từ các tỉnh nhỏ lên học, phần nhiều con nhà khá giả.

Trường không có ký túc xá. Được gia đình chu cấp, thời bấy giờ ông sống ở “pô-pốt” (popote), một kiểu nhà trọ tự lập, do một số người cùng góp tiền thuê nhà, góp gạo thổi cơm chung. Đó là gian nhà gác số 6 phố Công sứ Miribel (nay là phố Trần Nhân Tông), gần Chợ Hôm.

Ông tham gia phong trào Hướng đạo ở Hà Nội, thường có những buổi sinh hoạt chung với các đội khác trong thành phố. Ông cũng hằng hái tham gia dạy truyền bá quốc ngữ,

một phong trào do Đảng Cộng sản Đông Dương có sáng kiến sáng lập từ hồi vận động Dân chủ năm 1937, nay vẫn còn hoạt động nhưng không rầm rộ như xưa. Tuy nhiên, chất “men cách mạng” mạnh nha từ Phủ Lý, nảy nở nhanh chóng là nhờ ông sống trong môi trường “pô-pốt” này. Tại đây có hơn 10 người, phần lớn là sinh viên, công chức nghèo, làm ở nhiều công sở khác nhau, chỉ có ông là ít tuổi nhất. Trong số người đó, đầu năm 1942, ông được kết bạn gần gũi với Thôi Hữu (tên là Nguyễn Đắc Giới, còn gọi là Giới Xôm), Phạm Triều. Cả hai anh đã tham gia phong trào dân chủ năm 1936-1939, vì thực hiện bãi khóa ở Trường Kỹ nghệ Thực hành Huế, cho nên hai anh đã bị bọn cầm quyền đuổi học.

Ông Thôi Hữu lớn hơn ông Mười Hương sáu tuổi, đã tốt nghiệp thành chung và có nghề thợ điện vững vàng. Ra Hà Nội ông Thôi Hữu làm thợ điện cốt che mắt để hoạt động. Tuy ở Hà Nội nhưng ông vẫn viết bài cho Tạp chí Bạn Đường, do phong trào Hướng đạo Thanh Hóa khởi xướng và tổ chức: Tỉnh ủy Đảng Cộng sản Đông Dương tỉnh Thanh Hóa đưa người vào chỉ đạo (ông Nam Mộc làm Giám đốc, Trần Điền làm quản lý, số 1 ra tháng 1/1942). Nhờ vậy, tờ báo sớm có ảnh hưởng trong tầng lớp trí thức công chức ở Bắc Trung bộ, ra tới Hà Nội. Trước tạp chí Bạn Đường này, ở Thanh Hóa cũng đã phát hành tờ Bạn Đường số đầu tiên ra 15/3/1939 và số cuối cùng ngày 24/1/1942, do Trần Điền làm Chủ nhiệm. Hồi còn ở Thanh Hóa, các ông Trần Mai Ninh, Thôi Hữu đã cộng tác với tờ báo này.

Năm 1943, lúc cùng hoạt động với nhau ở ATK, ông Mười Hương mới được ông Thôi Hữu cho biết, sau khi trốn khỏi nhà tù ở Daklây (Tây Nguyên) về Huế và Thanh Hóa, nhà thơ Tố Hữu (Nguyễn Kim Thành) tìm gặp được ông Thôi Hữu, vốn đã cùng hoạt động với nhau từ phong trào 1936-1939, hai người trao đổi thấy rằng Thanh Hóa và miền

Trung đang đứt liên lạc với Trung ương Đảng, gặp nhiều khó khăn, Thôi Hữu có nghề điện, có thể dùng nghề đó làm cơ ra Hà Nội kiếm ăn, nhưng thật ra là để tìm cách nối lại liên lạc với Trung ương Đảng, nghe nói Trung ương đã được tăng cường và đang ở vùng chung quanh Hà Nội.

Ông Thôi Hữu đã có vợ là cháu đồng chí Tô Hiệu, một chiến sĩ cộng sản, hoạt động cách mạng ở Hải Phòng, rất hăng hái, dũng cảm, bị Pháp bắt, đưa đi giam ở nhà tù Sơn La. Không chịu được cảnh tra tấn đầy đọa, đồng chí Tô Hiệu mắc bệnh ho lao và đã hy sinh tại đó.

Ông Thôi Hữu quen biết rộng rãi. Nhiều người hoạt động trong phong trào truyền bá quốc ngữ, phong trào Dân chủ hay tìm đến pô-pốt gặp ông Thôi Hữu, như ông Lê Tất Đắc, người Thanh Hóa. Cả ông Nguyễn Tạo, người Nghệ Tĩnh, một nhà cách mạng nổi tiếng trốn tù về, cũng hay đến trò chuyện với ông.

Ông Thôi Hữu là cán bộ làm công tác dịch vận dưới sự chỉ đạo của đồng chí Hoàng Văn Thụ. Khi ông Thụ bị Pháp bắt và xử bắn ở Hoàng Mai, thì bộ phận bình vận này chuyển sang đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh trực tiếp điều hành. Địa bàn hoạt động của ông Thôi Hữu rất rộng, khi thì ở ngoại thành Hà Nội, lúc lại vọt lên Việt Trì (Phú Thọ), Tân (Sơn Tây) là những nơi có nhiều đơn vị quân đội của Pháp đóng, để bắt liên lạc với những người có cảm tình với cách mạng Việt Nam đang ở trong quân đội lê dương của Pháp.

Ông Phạm Triều thì chỉ chỉ thú chăm lo học cho giỏi, sau này anh thi đỗ Kỹ sư Đông Dương và có thời gian làm Giám đốc Sở Công chính Hà Nội.

Thời gian ở đây, ông Mười Hương làm quen với ông Nguyễn Hữu Đang đã tốt nghiệp Trường Sư phạm và làm Thư ký Phủ Toàn quyền, một người hoạt động rất hăng hái trong phong trào Truyền bá quốc ngữ do Cụ Nguyễn Văn Tố

làm Hội trưởng. Cụ Tố rất tin cậy Nguyễn Hữu Đang, đưa vào Ban Tu thư của Hội Truyền bá quốc ngữ.

Cũng tại "pô-pốt" này, qua tuyên truyền, thử thách ông Mười Hương được ông Nghiệp (tức Xuân Trường, sau này có lúc làm Bí thư Tỉnh ủy Hà Sơn Bình), ông Luyến (tức Dân sau này ở Bộ Xây dựng), giới thiệu và kết nạp vào Thanh niên cứu quốc Thành Hoàng Diệu (bí danh của Thành phố Hà Nội), một đoàn thể trong Mặt trận Việt Minh, lúc đó đã phát triển khá mạnh và rộng; cùng sinh hoạt và hoạt động với các đoàn viên cứu quốc đang học ở nhiều trường khác, như các anh Đỗ Xuân Hạc (em Luật sư Đỗ Xuân Sảng), Luyến, Hợi, Oánh...

Pô-pốt số 6B phố Công sứ Miribel trở thành một cơ sở tụ tập của nhóm hoạt động cách mạng theo đường lối chủ trương của Việt Minh tại Hà Nội, do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo.

Tháng 6/1941, sau khi chiếm đóng một loạt nước Tây Âu, trong đó có nước Pháp (tháng 5/1940), phát xít Đức xua quân tiến vào lãnh thổ Liên Xô, đang là thành trì của cách mạng thế giới. Các báo chí công khai thường đưa tin quân Đức chiếm được hết nơi này, nơi khác của Liên Xô, tỏ ra quân Đức rất mạnh.

Cùng với việc khai chiến đánh nhau với Anh, Mỹ (tháng 12/1941), tiến công chiếm đóng một số nước ở Đông Nam Á, phát xít Nhật mở rộng cuộc xâm lược trên đất nước Trung Quốc rộng mênh mông. Liên Xô đã cùng với các nước Mỹ, Anh và các nước khác liên kết thành phe đồng minh chống phe phát xít Đức - Ý - Nhật. Mặt trận Việt Minh của Việt Nam tuyên bố đứng về phe đồng minh chống trực phát xít. Thường xuyên trên truyền đơn, báo của Tổng bộ Việt Minh lên tiếng ủng hộ cuộc kháng chiến của Hồng quân Liên Xô và của nhân dân Trung Quốc, vạch các tội ác của quân phát xít đối với nhân dân các nước bị chúng chiếm đóng và khăng

định phe phát xít vì tính chất phản nhân loại của chúng thế nào chúng cũng bị diệt vong, các nước bị chúng chiếm đóng sẽ được giải phóng, chiến thắng cuối cùng sẽ thuộc về các nước đồng minh trong đó có Liên Xô, Trung Quốc.

Đang học năm thứ hai trung học, chịu ảnh hưởng của phong trào cách mạng dâng cao lôi cuốn, ông Mười Hương bỏ học, đi làm thợ in cho báo Tin Mới. Ông Mười Hương đi vào nghề này với sự hướng dẫn chỉ bảo của ông Kiên làm ở Báo Thanh Nghị phố Hàng Da và ông Nguyễn Văn Phổ, con ông Nguyễn Văn Vĩnh, một nhà báo nổi tiếng, đang làm ở nhà in Trung Bắc. Ông Mười Hương quen với ông Nguyễn Văn Phổ từ lúc cùng tham gia trong phong trào Hướng đạo.

Do hoạt động hăng hái, ông Mười Hương được cấp trên cử vào Ban Chấp hành Thanh niên cứu quốc thành phố Hà Nội. Phạm vi sinh hoạt và hoạt động của ông Mười Hương rộng hơn.

Giữa tháng 1/1942, nhóm Thanh niên cứu quốc Hoàng Diệu ở pô-pốt số 6 phố Công Sứ Miribel nhận được Báo Cứu Quốc, Cơ quan của Tổng bộ Việt Minh, số 1 ra ngày 15/1/1942. Anh em truyền tay nhau say sưa đọc bài kêu gọi mở đầu, đăng trên trang nhất của báo.

Hỡi các giới sĩ, nông, công, thương, binh!

Hỡi các đoàn thể cứu quốc!

Hỡi toàn thể đồng bào mất nước Việt Nam!

“Đã 80 năm, Tổ quốc kính yêu mất quyền độc lập, sa vào vòng nô lệ của giặc Pháp tham tàn.

“Đã 80 năm, dân tộc Việt Nam phải mang trên trán vết quốc sỉ nhục nhơ mà máu đào của bao nghĩa sĩ anh hùng tới nay vẫn chưa rửa sạch.

Giờ đây, quốc sỉ tăng thêm nhục nhã, quốc thù tăng thêm căm hờn; giờ đây giang sơn tiên tổ lại thêm giặc Nhật chà đạp, tẩm thân trâu ngựa lại bị thêm một lần áp bức đọa

đây. Nhật khai chiến với Anh, Mỹ, lôi cuốn xứ sở ta vào vòng khói lửa binh đao”.

“Trước cảnh tượng nước mất, nhà tan thê thảm, Cứu Quốc, Cơ quan cổ động của Việt Nam độc lập đồng minh ra đời, thống thiết kêu gọi toàn quốc đồng bào mau hợp sức cùng lòng đánh đuổi Pháp Nhật, rửa nhục cho non sông, đưa Tổ quốc tới chốn vinh quang độc lập”.

“Cứu quốc sẽ giải bày nỗi lầm than thống khổ của muôn dân.

Cứu quốc sẽ nêu cao những ý muốn thiết tha của trăm họ.

Cứu quốc sẽ là người chỉ lối trung thành cùng đồng bào cùng tiến lên trên đường giải phóng dân tộc...”.

“Toàn thể đồng bào yêu nước hãy tận tâm ủng hộ Cứu Quốc về mọi phương diện, hãy cương quyết tiến lên dưới bóng cờ sắc đỏ sao vàng.

Đánh đổ giặc cướp nước Pháp Nhật!

Đánh đổ giặc bán nước thân Pháp, thân Nhật!

Việt Nam độc lập tự do muôn năm!”

Cũng trong số này, bài *Chính sách Việt Minh hợp quần cứu nước*, phân tích rõ thêm tình hình đất nước và nói rõ nhiệm vụ “Toàn thể đồng bào mất nước rên rỉ dưới ách Pháp, Nhật phải đặt nhiệm vụ cứu nước lên trên mọi sự, phải hợp sức đồng lòng cứu nước ra khỏi kiếp tôi đòi nô lệ, đòi độc lập, không phân biệt giai cấp và đảng phái, không phân biệt dân tộc và tôn giáo, cùng tham gia Mặt trận Việt Minh.

“Các đoàn thể trong Việt Minh vẫn riêng rẽ, vẫn có quyền theo chủ nghĩa của mình, nhưng nhất định phải tuân theo chương trình, điều lệ của Việt Minh, nhất định không được hành động điều gì trái ngược với chủ trương của Việt Minh, có hại cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc”.

“Đứng trước hai kẻ thù Pháp, Nhật, toàn quốc đồng bào phải hợp sức cùng lòng. Đó là thứ vũ khí mãnh liệt nhất đánh đuổi giặc cướp nước ra khỏi bờ cõi Việt Nam”.

“Vận động toàn quốc đồng bào liên hiệp lại, đó một điểm quan trọng trong chính sách của Việt Nam độc lập đồng minh vậy”.

Giữa tháng 10 năm 1942, nhóm của ông Mười Hương lại tiếp nhận Báo Cờ Giải Phóng, Cơ quan tuyên truyền cổ động của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, số 1 ra ngày 10/10/1942, trong đó có bài phân tích về chính sách cải cách lừa bịp của Pháp, dưới ký tên Trường Chinh.

Bài báo viết: “Tháng 7 tây (1942) trong cuộc Hội nghị ở Đà Lạt gồm các Thủ hiến các xứ và bọn Thượng thư Nam Triều, Ai Lao, Cao Miên tham dự, và trong cuộc hội nghị Liên bang Đông Dương ở Sài Gòn, Toàn quyền Đông Dương có ra một bản nghị án định lập lại các Hội đồng “dân cử” như các Viện Dân biểu đã bị giải tán ngay từ khi Pháp mới đánh nhau.

Tại sao giặc Pháp lại dự định như trên? Chúng nhìn nhận quyền lợi của nhân dân ta? Chúng trở lại chế độ dân chủ? – Không. Chúng chỉ muốn thi hành một chính sách lừa phỉnh, xỏ lá, để chia rẽ mặt trận thống nhất chống Pháp, Nhật.

“Từ khi chiến tranh, đế quốc Pháp đã làm nhiều điều mất cảm tình với nhân dân Đông Dương, cả với tầng lớp tư sản, địa chủ bản xứ. Chúng đã giải tán các Viện Dân biểu, chỉ giữ lại ban trị sự và biến nó thành hội đồng tư vấn hẹp hòi. Chúng đã bãi bỏ “Đại hội nghị kinh tế và lý tài Đông Dương”; hơn nữa chúng giải tán cả Hội đồng làng. Đồng bào tư sản, địa chủ và tiểu tư sản trước kia còn có chỗ ăn chỗ nói đôi chút nay tự cảm thấy bị gạt bỏ. Họ mất tin Pháp từ khi Pháp bại trận bao nhiêu thì ngày nay họ chán ghét

chính sách chuyên chế của phát xít Pháp bấy nhiêu. Nên một phần họ đã ngã về phe cách mạng, một phần do dự, còn một số ít quay ra thân Nhật.

Thấy thế, giặc Pháp sợ mất vây cánh. Nên gần đây chúng phải “xét lại” chính sách phát xít hóa Đông Dương của chúng. Về kỹ nghệ, chúng tung ra khẩu hiệu “kỹ nghệ hóa Đông Dương”. Chúng làm cho các bậc phú hào bản xứ tưởng có thể nhân lúc chiến tranh trở thành các nhà đại kỹ nghệ rồi bỏ vốn ra mở mang mấy thứ kỹ nghệ nhẹ, phụ thuộc như ép dầu, làm giấy, ươm tơ, kéo sợi, làm giày vải... để cung cấp cho nhu cầu trong xứ.

Về chính trị, giặc Pháp định dựng lại các Viện Dân biểu trò hề để lôi kéo hạng “thượng lưu” đại biểu cho tư sản, địa chủ bản xứ, làm cho hạng này hợp tác với chúng, nghĩa là giúp chúng đàn áp cách mạng dân tộc giải phóng và “vui lòng” nộp thuế cho chúng mỗi ngày một nhiều!

Những cuộc “cải cách chính trị” mà bọn phát xít Pháp đương dự định cũng như kế hoạch “kỹ nghệ hóa Đông Dương” của chúng sẽ không thể mang lại cho chúng những kết quả mong muốn. Vì sao thế? Vì 70, 80 năm nay sống dưới ách của giặc Pháp, nhân dân Đông Dương cả giàu lẫn nghèo, đều nhận thấy những tiếng “Pháp – Việt đê huê”, “cải lương, cải cách” của Pháp là giả dối. Thanh niên trí thức, con cái nhà tư sản, địa chủ bản xứ học giỏi đến mấy cũng không được dự quyền hành chính và lập pháp trong nước. Những sinh viên trường luật thi ra làm quan, chẳng qua cũng chỉ làm đầy tớ vô quyền của Pháp, Nhật. Hay nói cho đúng, họ chỉ có quyền ăn hối lộ, phá cách mạng, bắt cướp và canh đê.

Gần đây, Pháp tuyên bố mở “ngạch bản xứ” cho dân Đông Dương “tham dự quyền chính”, công chức bản xứ được làm chủ sự... Nhưng sự thực những công chức ta dù sao cũng chỉ làm tay sai của bọn chủ sự người Pháp...

Giặc Pháp mồm nói cải cách, nhưng sự thực cứ vâng lệnh Nhật cướp thóc, cướp ruộng của nhà giàu, tăng thuế cũ, lập thuế mới, bóc lột họ và đồng bào họ ngày một thậm tệ. Càng ngày các bậc phú hào Đông Dương càng nhận rõ đế quốc Pháp cũng như đế quốc Nhật, chẳng qua chỉ là bọn ăn cướp, lừa bịp giết người cho nên mặc dầu giặc Pháp “cải cách chính trị”, mặt trận dân tộc thống nhất chống Pháp, Nhật cứ ngày một rộng rãi và bền chặt thêm. Vì chỉ có bắt tay thợ thuyền, dân cày, tiểu thương, tiểu chủ, làm cách mạng đánh đuổi Pháp, Nhật, dựng lên một xứ Đông Dương cộng hòa, thì đồng bào tư sản, địa chủ mới thật có quyền và khỏi bị cướp của”...

Những bài viết trên Báo Cứu Quốc và Cờ Giải Phóng, với lời văn trong sáng, thống thiết, ý tứ rất rõ ràng, lôi cuốn người đọc, giúp cho nhóm Thanh niên trong pô-pốt nâng cao nhận thức chính trị, thấy rõ âm mưu thâm độc của bọn phát xít Pháp, Nhật, chính sách đúng đắn của Mặt trận Việt Minh, họ càng thêm tin tưởng và hăng say hoạt động. Anh em còn trao đổi và hỏi nhau cây bút Trường Chinh là ai? Sao mà viết hay thế! Tên tác giả Trường Chinh ký dưới những bài xã luận trên Báo Cứu Quốc và Cờ Giải Phóng gây cho anh em ấn tượng thật mạnh!

Ông Mười Hương được bạn bè giới thiệu với ông Vy (Nguyễn Lam) đang công tác ở Thành ủy Hà Nội, nhưng thật tiếc, chỉ ít lâu sau, ông Vy bị địch bắt. Mối liên lạc mới này của ông Mười Hương với Thành ủy lại bị đứt.

Đầu tháng 11/1942, sắp tới ngày kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga, thực hiện chủ trương của Thành ủy Hà Nội, nhóm Thanh niên cứu quốc Hoàng Diệu số 6 phố Công sứ Miribel, chia thành nhiều tổ nhỏ, mỗi tổ hai người, đi rải truyền đơn và treo cờ ở một số địa điểm trong thành phố. Sau khi đi điều tra nghiên cứu chu đáo nhiều lần, ông Mười Hương và một anh bạn là Dương Đình Hợi, học năm thứ tư

trường Thăng Long, trên ông Mười Hương hai lớp, được phân công thực hiện treo cờ Búa Liềm trên một cây bàng ở vườn hoa nhỏ, hình tam giác chéo trên đường Phùng Hưng, giáp đường xe lửa chạy trên nền đất cao. Người bạn đứng gác, còn ông Mười Hương leo lên treo cờ. Đúng lúc ông Mười Hương đang loay hoay buộc cờ thì hai tên cảnh sát đi tuần xuất hiện và xuống xe đạp, bước vào vườn hoa. Ông vội nhanh chóng thu cờ, nhảy xuống và chạy trốn, theo các ngõ ngách về Thư viện thành phố ở đường Trường Thi. Người bạn cùng tổ ông thấy động cũng chạy thoát.

Ông giấu lá cờ trên thùng nước giặt, để trên cao nhà cầu tiêu công cộng của Thư viện, rồi lững thững ra về. Nằm đọc sách một lúc, nghĩ tiếc lá cờ ông lại mò đến Thư viện lấy lại và đem về, giấu trong hòm đựng quần áo của mình.

Chẳng ngờ, trong những tổ rải truyền đơn có người bị cảnh sát bắt quả tang, đưa về bốt, khai thác, buộc phải nói ra chỗ ở của cả nhóm.

Thực ra thì Pháp đã được mật báo về cái pô-pốt này rồi, chúng đã cảnh giác, nhưng đang theo dõi, chưa ra tay phá ngay.

Mật thám huy động lính đến bao vây, lục soát và bắt luôn hầu hết những người mà chúng đã có danh sách nghi vấn ở ngôi nhà này, trong đó có cả người cùng đi treo cờ với ông Mười Hương. Ông Mười Hương cũng bị bắt vì trong hòm của cá nhân ông chúng thấy có lá cờ và có người đã khai ra ông.

Hôm đó, ông Thôi Hữu đi công tác vắng, cho nên đợt ruộng bố này, ông chưa bị bắt. Sau khi bắt được một số người trong pô-pốt, mật thám tiếp tục bố trí cài bẫy ở đây, thường xuyên ngày đêm cho nhân viên phục sẵn mấy tháng liền, tới khi chúng bắt được ông Nghiệp (tức Xuân Trường) đang ló ngó tìm về cơ sở cũ, chúng mới rút quân.



Đợt khủng bố này, do có người của ta đầu hàng phản bội, khai báo, cho nên Pháp bắt khá nhiều cán bộ cấp Thành phố, quần chúng cốt cán và phá được một số cơ sở của ta.

Tuy nhiên, chiếc “máy in” giấu kín ở phòng bên cạnh chúng không tìm thấy. Gọi là “máy in”, thực ra nó chỉ là cái khuôn in do ông Kiên, thợ nhà in chế ra, còn chữ in bằng chì, thì ông Mười Hương, ông Kiên lấy ở xưởng mỗi ngày một ít mang về, tích lũy dần. Nó còn rất nhỏ, chỉ in được truyền đơn, phục vụ cho yêu cầu Thành ủy. Có thể nói “máy in” này là một trong những chiếc thuộc “thế hệ tổ tiên” của Nhà in Trần Phú sau này, hiện đang được trưng bày ở Bảo tàng Cách mạng ở Hà Nội.

### III

Người xưa có nói: “Nhất nhật tại tù, Thiên thu tại ngoại”, đại ý một ngày bị giam trong tù, bằng nghìn năm ở bên ngoài. Xét khía cạnh nào đó, ông Mười Hương thấy đúng như thế. Ở trong tù con người hoàn toàn mất tự do, nhất là vào lúc chiến tranh, đế quốc Pháp đang thi hành chính sách phát xít đàn áp, khủng bố tàn bạo đối với những người cách mạng chống lại quyền cai trị của chúng. Cùng với việc tra tấn bằng những thủ đoạn man rợ, cốt lấy lời cung khai ra cơ sở, cán bộ, quần chúng cốt cán khác, hàng ngày chế độ giam giữ, kiểm soát của địch rất ngặt nghèo, đầy dọa những người bị giam giữ như súc vật, nhằm tiêu diệt ý chí chiến đấu của người cách mạng.

Nhưng, những người cách mạng đã biết biến cái rủi thành cái may. Tuổi trẻ Mười Hương đang khao khát cuộc sống có lý tưởng, đã nhờ thời gian bị giam giữ trong nhà tù Hỏa Lò, học được rất nhiều điều bổ ích, mà ở bên ngoài không thể nào có được. Đối với ông, nhà tù Hỏa Lò thực sự

là “một trường học đường đời lớn”. Chính tại đây, ông mới được hiểu biết về quá trình thành lập, hoạt động của Đảng Cộng sản Đông Dương; về đường lối, chính sách của Đảng; những gương chiến đấu chống đàn áp khủng bố, cần răng chịu đòn kiên quyết không khai báo của những người cộng sản bất khuất, đồng thời biết cả một số không còn giữ được khí tiết, “tham sống, sợ chết” đã đầu hàng khai báo, làm thiệt hại cho phong trào; những kinh nghiệm đối phó với quân thù...

Vào trong tù, ngoài những người trong pô-pốt, ông Mười Hương gặp cả đoàn viên Thanh niên cứu quốc khác như các anh Đỗ Xuân Hợp, Luyến, Hợi, Oánh... chưa có án; nhất là nhiều cán bộ cộng sản lâu năm thuộc lứa tuổi đàn anh, đã bị bắt từ trước và đã có án. Lớp cán bộ cộng sản đàn anh đó đã có công dìu dắt những người đàn em thuộc lứa tuổi của ông.

Khi bị bắt, theo giấy khai sinh ghi sinh ngày 20/12/1926, ông Mười Hương mới trên 15 tuổi, kém tuổi thực 2 tuổi, tức là “tuổi vị thành niên”, tuổi còn chịu sự giám sát của gia đình, nhưng bọn mật thám vẫn tra tấn và Chuồng lý vẫn đưa ông ra tòa án binh.

Trước sau, dù bị đánh thế nào, ông vẫn cố chịu đựng giữ lời khai không biết gì, không tham gia một tổ chức cách mạng nào, không rõ ai để lá cờ vào hòm của ông.

Để bảo vệ cuộc sống trong nhà giam khắc nghiệt, các tù cộng sản đàn anh có kinh nghiệm tổ chức ra nhiều ban như: trật tự, vệ sinh, học tập... có giờ giấc sinh hoạt quy định rõ ràng. Ông Mười Hương được các bậc đàn anh giới thiệu vào Ban trật tự của nhà tù. Với ý thức tự giác, ông Mười Hương tham gia nghiêm túc các ban nói trên và chấp hành nghiêm chỉnh những nội quy do tự anh em tù đặt ra.

Qua kiểm tra thấy rõ thái độ của ông Mười Hương là người có thể tin cậy được, bị tra tấn mà không khai báo, có ý chí quyết tâm theo cách mạng, Ban lãnh đạo nhà tù xếp

ông vào “nhóm trung kiên”, trong đó có những cán bộ cộng sản, quần chúng tin cậy. Trong nhà tù Hỏa Lò lúc bấy giờ có nhiều đảng viên cộng sản, cán bộ, nhưng không phải tất cả được vào nhóm trung kiên. Ông Mười Hương nhớ nhất trong nhóm trung kiên các bậc đàn anh Nguyễn Thọ Chân, Lê Toàn Thư... là những người đã thường xuyên gần gũi hướng dẫn và nâng đỡ ông rất nhiều, truyền đạt cho ông nhiều điều hiểu biết về Đảng cũng như những kinh nghiệm về đấu tranh với kẻ thù.

Tham gia “Nhóm Trung kiên”, ông Mười Hương được dự lớp huấn luyện, nghe các anh giảng bằng truyền miệng, về sự ra đời của Đảng Cộng sản, vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong việc thống nhất ba tổ chức Đảng: Đảng Cộng sản Đông Dương, An nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng ta là một chi bộ của Quốc tế Cộng sản. Quốc tế Cộng sản đã giúp đỡ ta lập Đảng và đào tạo nhiều cán bộ, đưa về làm các Tổng Bí thư của Đảng như các đồng chí Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập và nhiều cán bộ nổi tiếng khác, như Nguyễn Thế Rục, Bùi Lâm...

Về đường lối, ngay từ khi thành lập, Đảng đề ra làm cách mạng Tư sản dân quyền đánh đuổi đế quốc thống trị, giành độc lập cho dân tộc và đánh đổ chế độ phong kiến lập chế độ cộng hòa dân chủ, đem lại ruộng đất cho nông dân. Nhưng, từ khi chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, đế quốc Pháp thực hiện chế độ phát xít vô cùng tàn bạo, bọn phát xít Nhật lại lăm le nhảy vào xâm chiếm Đông Dương, đời sống của toàn thể dân tộc ta bị chà đạp nghiêm trọng, trước tình hình mới, Hội nghị Trung ương tháng 11/1939 đã nhận định “bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng, để tranh lấy giải phóng dân tộc”. Trung ương nói rõ: Tất cả mọi vấn đề của cách mạng, cả vấn đề điền

địa cũng phải nhằm mục đích ấy mà giải quyết. Như thế là Đảng ta tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất mà thay bằng khẩu hiệu tịch ký ruộng đất của đế quốc Pháp và của địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc. Trung ương cũng đề ra phải dự bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mạng giải phóng dân tộc.

Các anh lớn tuổi giảng cho ông Mười Hương biết, đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đại diện cho Quốc tế Cộng sản đã về nước, chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ Tám (tháng 5/1941), bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới. Tại Hội nghị này, sau khi phân tích tình hình chiến tranh thế giới thứ hai và tình hình trong nước, Trung ương nhận định “Cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”, vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng”. Hội nghị Trung ương còn nói rõ hơn “Trong lúc này, quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề giải phóng dân tộc, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”.

Để có thể tập hợp đông đảo hơn nữa các lực lượng, các tầng lớp nhân dân chống kẻ thù chủ yếu của dân tộc là phát xít Pháp – Nhật, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đề nghị từ nay Mặt trận dân tộc thống nhất chống phát xít Pháp – Nhật lấy tên là Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh. Các tổ chức quần chúng yêu nước, chống đế quốc đều lấy tên là “Hội Cứu quốc” như Hội Công nhân cứu quốc, Hội Nông dân cứu quốc, Hội Thanh niên cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Hội Phụ lão cứu quốc, Hội Nhi đồng

cứu quốc, Hội Binh sĩ cứu quốc... Lá cờ đỏ sao vàng đã phất cao trong cuộc Khởi nghĩa Nam kỳ tháng 11/1940, được chính thức công nhận là cờ của Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh. Toàn bộ phong trào chống phát xít Nhật – Pháp của nhân dân Việt Nam từ đây mang tên là *phong trào Việt Minh*.

Về phương pháp cách mạng giành lại độc lập và chủ quyền, Hội nghị Trung ương lần này nhất trí với chủ trương của các hội nghị Trung ương tháng 11/1939 và tháng 11/1940, nêu ra một cách toàn diện, sâu sắc rằng cách mạng nước ta muốn thắng lợi phải dùng khởi nghĩa vũ trang. Vì vậy, Hội nghị đề ra “chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta và nhân dân ta trong giai đoạn hiện tại”.

Căn cứ vào điều kiện cụ thể của nước ta và kinh nghiệm của phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh và những cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam kỳ, Đô Lương, Hội nghị Trung ương nhận định rằng khi thời cơ đến thì với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành thắng lợi và mở đường cho một cuộc Tổng khởi nghĩa to lớn.

Trong vấn đề Mặt trận dân tộc, từ năm 1930, Đảng đặt ra trong khuôn khổ Đông Dương, nay Hội nghị Trung ương đặt hẳn vấn đề trong khuôn khổ của mỗi nước Việt Nam, Campuchia, Lào với tinh thần cách mạng giải phóng của nhân dân ba nước phải dựa vào nhau, mật thiết liên hệ với nhau, thúc đẩy nhau, giúp đỡ lẫn nhau để giành thắng lợi. Như vậy, vừa chống được âm mưu của địch chia rẽ ba quốc gia, ba dân tộc, vừa tạo điều kiện cho hai dân tộc bạn phát huy được tinh thần tự chủ, độc lập, tích cực góp phần vào sự nghiệp chung chống phát xít Pháp – Nhật.

Ông Lê Toàn Thư rĩ tai ông Mười Hương cho biết, Tổng Bí thư Đảng bây giờ là đồng chí Trường Chinh. Những bài viết trên Báo Cứu Quốc và Cờ Giải Phóng dưới ký tên

Trường Chinh chính là Tổng Bí thư Đảng đấy! Ông Lê Toàn Thư sau khi thoát khỏi ngục Côn Đảo (tháng 9/1945) ra Bắc, năm 1948 đang làm Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình, Trung ương rút, điều đi Nam bổ sung vào Xứ ủy Nam bộ, làm Phó Bí thư.

Sau Hội nghị Trung ương, đồng chí Nguyễn Ái Quốc lại có Thư đề ngày 6/6/1941, kêu gọi toàn dân đoàn kết, đặt quyền lợi dân tộc lên trên hết, để tập trung lực lượng đánh đuổi Pháp – Nhật. Một anh thuộc lâu lâu bản **Kính cáo đồng bào** lên tiếng se se đọc. Tất cả chăm chú lắng nghe.

“Hỡi các bậc phụ huynh! Hỡi các hiền nhân, chí sĩ!

Hỡi các bạn Sĩ, Nông, Công, Thương, Binh!

Pháp đã mất nước cho Đức. Thế lực của chúng ở ta đã điêu tàn. Song đối với chúng ta, chúng tăng sưu tăng thuế để vợ vét tài sản. Chúng khủng bố trắng để giết hại nhân dân. Đối với kẻ ngoài chúng im hơi lặng tiếng, cắt đất cho Xiêm, chúng quỳ gối chấp tay đầu hàng Nhật Bản. Dân ta một cổ hai tròng. Đã làm ngựa trâu cho Tây, lại làm nô lệ cho Nhật.

Trước tình cảnh đau đớn, xót xa ấy, ta có chịu khoanh tay chờ chết không?

Không, quyết không! Hơn hai mươi triệu con Lạc, cháu Hồng quyết không chịu làm vong quốc nô lệ mãi!

Bảy, tám mươi năm nay dưới quyền thống trị của giặc Pháp, chúng ta luôn luôn tranh đấu giành độc lập tự do. Tăm gương oanh liệt của các bậc lão tiền bối như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Lương Ngọc Quyến còn treo đó. Tinh thần anh dũng của các liệt sĩ ở Thái Nguyên, Yên Bái, Nghệ An hãy còn đây.

Những cuộc khởi nghĩa ở Nam kỳ, Bắc Sơn, Đô Lương vừa rồi đã tỏ rằng đồng bào ta quyết nối gót người xưa, phấn đấu hy sinh đặng phá tan xiềng xích.

Việc lớn chưa thành không phải vì đế quốc mạnh, nhưng một là vì cơ hội chưa chín, hai là dân ta chưa hiệp lực đồng tâm.

Nay cơ hội giải phóng đến rồi, đế quốc Pháp bên Âu đã không thể tự cứu, cũng không thể cứu bọn thống trị Pháp bên ta.

Đế quốc Nhật đã bị sa lầy ở Trung Hoa, lại đương gay go với Anh, Mỹ. Hiện thời muốn đánh Pháp đuổi Nhật, ta chỉ cần một điều: *Toàn dân đoàn kết.*

Hỡi đồng bào! Hãy noi gương vĩ đại của dân Tàu, tổ chức những hội Cứu quốc chống Pháp, chống Nhật.

Hỡi các bậc phụ lão! Hỡi các bậc hiền huynh chí sĩ! Mong các ngài noi gương phụ lão đời nhà Trần trước họa giặc Nguyên xâm lấn, đã nhiệt liệt hô hào con em tham gia sự nghiệp cứu quốc.

Hỡi các bậc phú hào yêu nước, thương nòi! Hỡi các bạn công, nông, binh, thanh niên, phụ nữ, công chức, tiểu thương!

Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian để cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng.

Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu nước là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kể vai gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do độc lập, dầu phải hy sinh tính mạng cũng không nề.

Hỡi các chiến sĩ cách mạng! Giờ giải phóng đã đến. Hãy phát cờ độc lập, lãnh đạo toàn dân đánh tan thù chung. Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đương vang dội bên tai các đồng chí! Chí phấn đấu của quốc dân đương chờ đợi sự lãnh đạo của các đồng chí!

Chúng ta hãy tiến lên! Toàn thể đồng bào tiến lên!

Đoàn kết đánh đuổi Pháp – Nhật!

Việt Nam cách mạng thành công muôn năm!

Thế giới cách mạng thành công muôn năm! Nguyễn Ái Quốc”.

Tiếng đọc vừa dứt, có người lên tiếng: Hay quá, thống thiết, xúc động quá! Xin cho chép vào mặt trắng vỏ bao thuốc lá để truyền cho nhau đọc.

Trong khi nghe giảng bài hoặc trò chuyện trao đổi, ông Mười Hương có cảm giác các ông Lê Toàn Thư, Nguyễn Thọ Chân đã được cộng tác gần gũi với Tổng Bí thư Trường Chinh tên thật là Đặng Xuân Khu. Các ông biết khá nhiều chi tiết sinh động về sự hoạt động của Trường Chinh, mà sau này ông Mười Hương mới biết quả đúng như vậy.

Trao đổi về gương chiến đấu của lớp người cộng sản đầu tiên, nhóm cốt cán trong tù kể lại tình bạn chí cốt giữa Nguyễn Đức Cảnh và Trường Chinh, hai người cùng học với nhau dưới mái trường Thành chung Nam Định và cùng sát cánh bên nhau hoạt động cách mạng, cùng bị bắt và bị giam tại nhà tù Hỏa Lò năm 1930. Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh bị Hội đồng đề hình Pháp kết án tử hình. Trong xà lim án chém chờ ngày hành quyết, Nguyễn Đức Cảnh dồn hết tâm huyết tổng kết kinh nghiệm vận động giai cấp công nhân, trước khi lẫm liệt ngẩng cao đầu bước lên máy chém. Trường Chinh bị nhốt trong xà lim “nguy hiểm”, ban ngày không bị cùm còn ban đêm bị cùm, phụ trách tờ báo *Con đường mới*, hàng ngày đấu tranh quyết liệt với các đối thủ sùng sỏ Việt Nam Quốc dân Đảng. Nguyên nhân có cuộc đấu tranh trên báo chí này là như sau, Việt Nam Quốc dân Đảng ra báo *Đường cách mạng* công kích những người cộng sản. Cây bút chính của tờ báo là giáo sư Nghiêm Toàn dạy trường Gia Long. Chi bộ Cộng sản trong tù liền quyết định ra báo *Con đường chính* để tranh luận với họ. Chi bộ phân công Trường

Chinh làm chủ bút tờ báo, viết các bài tranh luận về triết học, lý thuyết của chủ nghĩa cộng sản, nguồn gốc chiến tranh, khởi nghĩa... dưới ký tên *Cây Xoan*. Tham gia viết bài cho báo là những cán bộ có trình độ lý luận và văn hóa khá lúc đó như Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Thế Rục, Đỗ Ngọc Du (Phiếm Chu), Trần Quang Tặng, Nguyễn Văn Ngạn... Nguyễn Thế Rục là cây bút xuất sắc về lý luận, vì đã đi học ở Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản ở Liên Xô.

Giấy làm báo là giấy bản đưa từ ngoài vào, nói là dùng để đi tiêu (câu) để qua mắt địch. Giấy được phết nước cơm, phơi khô, rồi giao cho người chữ đẹp viết. Mỗi lần ra từ 5 đến 7 bản, chuyền tay nhau đọc và chuyển qua các buồng giam khác.

Địch phát hiện ta dùng giấy bản làm báo, chúng liền tịch thu và cấm không cho đưa giấy bản vào khám nữa. Ta liền lợi dụng sách đạo do Cố Ân (viên Cố đạo đã khám phá ra vụ Hà thành đầu độc của Cụ Hoàng Hoa Thám) phân phát cho người tù có đạo đi lễ hàng tuần, nhằm tuyên truyền giáo lý với những người có đạo trong nhà tù; những sách ấy có những trang giấy trắng, ta lấy để làm báo.

Qua cuộc tranh luận này, một số đảng viên Quốc dân Đảng thực tâm yêu nước, thấy rõ đường lối cứu nước của Đảng Cộng sản đúng hơn, đã chuyển sang hàng ngũ những người Cộng sản.

Về sau, được công tác gần đồng chí Trường Chinh, nhân nhắc lại cuộc đấu tranh báo chí này, ông Mười Hương được đồng chí Trường Chinh cho biết ông Nghiêm Toàn là người yêu nước, hiểu rộng, nhưng đường lối của Việt Nam Quốc dân Đảng là sai lầm.

Nhóm trung kiên được các bậc đàn anh kể lại những tấm gương chiến đấu dũng cảm, chịu đựng tra tấn, không hở một lời cho địch biết về tình hình nội bộ và hoạt động của ta, của các đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư đầu tiên của

Đảng, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Phong Sắc... ở Bắc kỳ; Nguyễn Nghiêm, Nguyễn Sĩ Sách... ở Trung kỳ; Ngô Gia Tự, Lý Tự Trọng... ở Nam kỳ.

Riêng năm 1932-1933, Tòa án binh ở Sài Gòn, Mỹ Tho của Pháp kết án tử hình hàng chục cán bộ cộng sản trong đó có Nguyễn Công Miêu (sau lấy tên Lê Văn Lương), Phạm Hùng, Lê Quang Sung... Do phong trào đấu tranh đòi ân xá ở trong nước ta cũng như bên Pháp khá mạnh, số đồng chí này đã được giảm xuống thành án tù chung thân khổ sai, dịch đưa đi đây ở Côn Đảo. Ông Lê Văn Lương, lúc đó tên khai sinh là Nguyễn Công Miêu, em nhà văn Nguyễn Công Hoan, được Đảng Cộng sản Đông Dương cử vào Nam cộng tác với đồng chí Ngô Gia Tự đang làm Bí thư Xứ ủy Nam kỳ, ở Ban cộng vận của Xứ, lấy bí danh là Tâm, phụ trách cuộc bãi công và biểu tình của công nhân hãng dầu Pháp - Á Nhà Bè (Gia Định) đầu năm 1931. Trong cuộc đấu tranh này, một tên lính dùng súng bắn vào đoàn biểu tình, bị quần chúng nhảy vào tước súng và đánh chết. Có người khai, đồng chí Tâm là người điều khiển cuộc họp chuẩn bị tối hôm trước. Địch bắt và tra tấn thế nào đồng chí cũng không khai tên thật và quê quán cũng như hoạt động của mình, chỉ khai một cái tên vu vơ là Phạm Văn Khương theo chiếc thẻ thân mua được, người Thái Bình, vì đói phải tìm đường vào Nam kiếm ăn. Cho đến lúc dịch kết án tử hình, thời gian bị đầy ngoài Côn Đảo, trong bản án vẫn chỉ ghi mấy dòng như thế. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, được đón về và Trung ương điều ra Hà Nội công tác, Nguyễn Công Miêu mới lấy tên là Lê Văn Lương. Nếu Pháp biết gốc gác của Nguyễn Công Miêu chắc chắn chúng sẽ làm khó dễ cho gia đình Nhà văn Nguyễn Công Hoan.

Anh em bị giam giữ ngoài Côn Đảo luôn luôn tìm cách vượt ngục trốn về hoạt động. Năm 1935, các đồng chí Ngô Gia Tự, Lê Quang Sung (người Quảng Nam, Bí thư Tỉnh ủy Chợ Lớn lúc bị bắt), Tô Chấn, vốn là cán bộ lãnh đạo Việt

Nam Quốc dân Đảng, đã chuyển sang Cộng sản, cùng vài đồng chí nữa đóng bè vượt đảo. Nhưng, chuyến đi này không thành công, các đồng chí đã vĩnh viễn bỏ xác ngoài biển cả!

Bên cạnh những gương đấu tranh kiên cường như thế, có một số đảng viên, cán bộ cộng sản, do không chịu được đòn tra tấn của địch cùng những thủ đoạn mua chuộc đánh vào tình cảm gia đình, đã khai báo làm thiệt hại nặng đến phong trào như Ngô Đức Trì, Dương Hạc Đỉnh... bị bắt ở Nam kỳ; Nghiêm Thượng Biền bị bắt ở Bắc kỳ... Thâm độc hơn là, sau khi đã lấy được những lời khai báo, tên cáo già Humbert, Chánh mật thám Trung kỳ, tìm cách tiếp tục sử dụng Đinh Văn Di trong Xứ ủy Trung kỳ, để phá nhiều cơ sở và gây tình trạng mất đoàn kết nghi ngờ lẫn nhau trong nội bộ Đảng bộ Trung kỳ. Cũng đáng tiếc, một số cán bộ có trách nhiệm cao trong Xứ ủy Nam kỳ bị bắt năm 1931, 1932, 1935 đã khai nhiều về tình hình nội bộ và phong trào cách mạng của ta cho địch, nhưng vẫn giấu Đảng, không báo cáo thành thật với Đảng, đến sau này Đảng mới biết.

Trao đổi về những kinh nghiệm chịu đòn tra tấn của địch, nhóm trung kiên thảo luận rất sôi nổi các kiểu, các cách thức tra tấn của địch, từ đơn giản đến tinh vi độc ác, cả đánh cụ thể con người và đánh tình cảm gia đình bố mẹ, vợ con, hoặc mua chuộc tiền tài, danh vị... Cố nhiên là có điển tả cả cách thức chịu đòn của những người bị tra tấn. Phải gắng mà chịu đòn, nếu có bị đánh thành thương tật, hay bị què như ông Hạ Bá Cang cũng dứt khoát không được khai báo, làm thiệt hại đến quần chúng, đến Đảng, trong nhóm trung kiên anh em nào cũng nhắc nhở nhau như thế.

Có một điều các vị đàn anh có kinh nghiệm căn dặn mà ông Mười Hương nhớ dai, nhớ kỹ là khi bị địch đánh cố làm sao bảo vệ được những chỗ như cái ót (chỗ đầu cột xương sống, đằng sau gáy), hạ bộ... nếu để chúng đánh trúng vào đó, có thể chết ngay tức khắc. Nhưng cũng đừng để chúng đánh hụt nhiều lần, đâm cẩu, để bị chúng đánh liều đến

chết. Thật ra bọn đồ tể cũng sợ đánh tù chết, đây là vấn đề thuộc về mâu thuẫn tâm lý, cố chịu đựng làm cho chúng đánh đến mệt mà không đạt hiệu quả.

Một chuyện về chịu đựng đòn tra tấn của địch mà ông Mười Hương có ấn tượng rất mạnh là gương của ông Trần Xuân Độ, đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng. Chính tên trực tiếp đánh Trần Xuân Độ, đánh mãi thay hết roi này đến roi khác như đánh vào bị thịt, đánh thế nào cũng không lấy được lời khai, đến mức chán và mệt quá, tên này vứt cả roi đi và chửi thề. Việt Nam Quốc dân Đảng rất tự hào về sự chịu đựng của Trần Xuân Độ người đảng viên của mình và phong cho cái tên là “gan lì tướng quân”. Sau này, ông Mười Hương tìm hiểu sự thật Trần Xuân Độ không phải là đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng. Ông Trần Xuân Độ là công nhân hãng CARIC Hải Phòng, tham gia Việt Nam Cách mạng Thanh niên rồi chuyển sang Đảng Cộng sản Đông Dương (17/6/1929). Lúc bấy giờ Việt Nam Quốc dân Đảng đang phát triển mạnh ở Hải Phòng. Thực hiện chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh phụ trách Hải Phòng, cho Trần Xuân Độ vào Việt Nam Quốc dân Đảng, lúc bấy giờ gọi là “nằm đoàn”, để nắm tình hình hoạt động của đảng ấy và tuyên truyền người tốt chuyển sang Đảng Cộng sản. Khi đó, đồng chí Hạ Bá Cang (tức đồng chí Hoàng Quốc Việt) cũng đang làm ở hãng này, trong hồi ký của mình kể lại, có ý tuyên truyền Trần Xuân Độ vào Đảng Cộng sản, nhưng ông Độ không mặn mà lại còn tỏ ra là người của Việt Nam Quốc dân Đảng. Thật ra Trần Xuân Độ giữ bí mật. Lúc Việt Nam Quốc dân Đảng chủ trương khởi nghĩa ở Yên Bái và dấy lên bạo động ở một số nơi, Trần Xuân Độ được hãng CARIC cử sang Lào làm việc, cho nên không tham gia. Lúc từ Lào về, do có người khai, Trần Xuân Độ bị bắt và bị Pháp kết án, đưa đi đày ngoài Côn Đảo, Việt Nam Quốc dân Đảng vẫn đinh ninh Trần Xuân Độ là người của mình. Sau Cách mạng Tháng

Tám 1945, được rước về, trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954, ông Trần Xuân Độ được Đảng Cộng sản Đông Dương cử phụ trách chính trị Miền Đông Nam bộ và sau đó giữ nhiều chức vụ quan trọng khác của Đảng và Nhà nước. Ông được cấp ủy Đảng Nam bộ cử làm đại biểu tham gia Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai của Đảng ở Tuyên Quang tháng 2-1951. Vợ ông là bà Hà Giang, một cán bộ đảng viên trung thành, đảm đang. Trong sinh hoạt ông rất liêm khiết và gương mẫu, bạn bè và hàng xóm chung quanh rất cảm phục. Về hưu, ông sống trên trăm tuổi và mất ở thành phố Hồ Chí Minh.

Trao đổi về nguyên nhân và tác hại của các vụ vỡ cơ sở mới đây ở Hà Nội và mấy tỉnh Bắc kỳ, anh em kỳ cựu cho biết Tư Nghệ, người Thừa Thiên Huế, còn có tên là Trọng, được Xứ ủy giao cho phụ trách Liên C gồm 4 tỉnh: Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Thái Bình. Khi Tư Nghệ bị bắt, không chịu được đòn tra tấn, y cung khai với mật thám tất cả cơ sở, cán bộ, quần chúng cốt cán, làm tan nát cơ sở và phong trào của 4 tỉnh này. Thật tai hại!

Tiếp sau đó lại xảy ra vụ tên Quát (có người gọi là Khoát), còn có tên là Địa, chức vụ khá cao, Phó Bí thư Xứ ủy Bắc kỳ cho nên y biết rất nhiều về cán bộ của Đảng và cơ sở, phong trào. Chính Quát khai báo, Pháp phá được Thành ủy Hà Nội. Quát còn khai cả nơi ở, nơi thường qua lại của các đồng chí Hạ Bá Cang (Hoàng Quốc Việt), Thường vụ Trung ương, Trường Chinh, Tổng Bí thư Đảng.

Chính tên Quát dẫn mật thám đi bắt hụt đồng chí Trường Chinh hai lần, một lần chúng đã bao vây cơ quan của Trung ương, nhưng đồng chí Trường Chinh luôn luôn cảnh giác, nhanh chân trốn thoát, chúng chỉ bắt được đồng chí Lê Toàn Thư lúc đó đang làm Thư ký cho đồng chí Trường Chinh. Trước đó đồng chí Trần Diệp (sau này là chồng nhà văn Lê Minh, con nhà văn Nguyễn Công Hoan) làm Thư ký

cho đồng chí Trường Chinh đã bị Pháp lùng bắt và đưa đi đây ngoài Côn Đảo, năm 1945 mới được đón về.

Lần thứ hai, tên Quát lại dẫn lính Pháp lên Xóm Đá, tức Xóm Đò thôn Vân Xuyên, xã Hoàng Vân (Hiệp Hòa, Bắc Giang), nằm trong ATK dự bị, vây bắt lớp huấn luyện đào tạo cán bộ của Trung ương đang mở tại nhà ông Nguyễn Văn Chế tức Hựu. Đồng chí Trường Chinh là giảng viên chính của lớp này, thường hay có thói quen dậy sớm, làm vài động tác thể dục. Bữa đó, mới 4 giờ sáng, trời hazy còn tối, sương phủ mù mịt, Pháp đã tảo lính bao vây. Đồng chí Trường Chinh đang tập thể dục, nghe thấy tiếng chó sủa, lại thấy ánh đèn pin lấp láy, liền cảnh giác, lên tiếng báo động cho anh em biết có Tây đến, còn đồng chí chạy vội ra bờ sông Cầu, gặp được bố con thuyền chài đi kiếm cá sớm. Ông bố là Trương Văn Tuyên, một người có tinh thần yêu nước, cô con gái 15 tuổi tên là Trương Thị Vịnh, đoán biết đồng chí Trường Chinh là cán bộ cách mạng, vội tạt thuyền vào bờ, đưa đồng chí xuôi sông về Soi Quýt làng Tiên Thù (huyện Phổ Yên, Thái Nguyên), được cơ sở ở đây là gia đình ông Lý Sấn tức Ngô Văn Luân, đùm bọc che chở. Thế là đồng chí Trường Chinh lại an toàn. Lần này Pháp bắt được 7 học viên của lớp. Sau đó, có mật báo, Pháp bắt ông Ngô Văn Luân cùng hai người con trai, con gái đem về tỉnh lỵ Thái Nguyên và đánh chết ông Ngô Văn Luân ngay tại nhà tù.

Lại một lần nữa đồng chí Trường Chinh thoát khỏi tay mật thám lùng bắt, sự việc diễn ra như sau. Nữ giao thông Nguyễn Thị Hội, cháu ông Nguyễn Duy Thân làng Đình Bảng, đi công tác qua cầu Đa Phúc (Phúc Yên, nằm trên đường Hà Nội - Thái Nguyên), ghé vào nhà Lý Ba là cơ sở của Quát (Địa). Vừa đến một lúc, nhờ cất giấu tài liệu xong, Nguyễn Thị Hội đã cảm thấy không yên. Lại thấy đồng chí Trường Chinh đến. Nguyễn Thị Hội vội bảo cho đồng chí Trường Chinh nên đi ngay, không nên nghỉ ở cơ sở này. Nửa

đêm hôm đó, một lũ lính kéo đến bắt Nguyễn Thị Hội đưa về sở Mật thám tra tấn, hôm chúng luôn luôn hỏi: Đặng Xuân Khu (tên đồng chí Trường Chinh) đâu?

Vì Quát (Địa) đã khai, cho nên nữ giao thông Nguyễn Thị Hội phải nhận mình là đảng viên cộng sản, nhưng hỏi về Đặng Xuân Khu thì dứt khoát trả lời không biết.

Tên Quát còn dẫn mật thám về nhà ông lý Dầu ở Trầm Lộng (huyện Ứng Hòa, Hà Đông) để bắt đồng chí Hạ Bá Cang. Chúng vồ hụt đồng chí Hạ Bá Cang, nổi sung, bọn chúng thẳng tay đánh chết con ông lý Dầu tại chỗ.

Tên Quát dẫn tên sếp mật thám Lutz (Luyt) đi lùng bắt các đồng chí Trường Chinh và Hạ Bá Cang, đi đến đâu tên Luyt cũng luôn mồm hỏi thằng thọt (Hạ Bá Cang), thằng Khu (Đặng Xuân Khu, Trường Chinh) đâu? Cả mấy lần đều không kết quả, tức quá Luyt sai lính dẫn Quát về Hỏa Lò, đánh 3 ngày liên tiếp. Dù đã khai báo nhưng Quát vẫn không thoát khỏi hình phạt. Sau đó, chúng đưa tên Quát ra tòa, xử 9 năm tù và đày đi Côn Đảo. Pô-pốt của ông Mười Hương cũng nằm trong số cơ sở bị Quát chỉ cho mật thám phá nát.

Sau mấy tháng tra tấn, hỏi cung, Pháp đưa những người bị bắt ra tòa án binh. Dù ông Mười Hương còn ít tuổi, nhưng chúng vẫn cứ dẫn ra tòa án binh. Hầu hết bị chúng kết án tù từ vài năm đến hàng chục năm, cả người bạn cùng treo cờ với ông cũng bị chúng kết án tù, rồi đày ra Côn Đảo.

Riêng ông Mười Hương vì còn tuổi vị thành niên, lấy cung không đủ chứng cứ, thêm nữa anh ông chịu tổn kém, hết sức chạy vạy lo lót khắp nơi, cho nên ông thoát án tù sau hơn một năm bị giam giữ. Buổi tha ông, Pháp cho gọi anh ông đến Hỏa Lò để nhận ông về. Người anh kể lại cho ông nghe: Khi vào phòng làm việc của chúng, tên cò Essieu phụ tá của trùm mật thám Lanèque khét tiếng tàn bạo nói: “Ông đừng thấy thằng Ban (tên khai sinh Trần Ngọc Ban)

còn ít tuổi rồi để mặc cho nó muốn làm gì thì làm, ông phải chịu trách nhiệm về nó với chúng tôi đấy. Cộng sản rất nguy hiểm, thằng Ban đã bị tiêm nhiễm chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa cộng sản đã nhiễm vào trong máu của nó rồi đấy!”.

Ông anh rất thương em, không dằn vặt trách móc gì, chỉ nhắc ông Mười Hương phải hết sức giữ gìn, cẩn thận, bọn mật thám chưa chịu đâu, chúng vẫn thường xuyên theo dõi đấy.

Biết ông Mười Hương có thể được tha, nhóm trung kiên dặn dò ông Mười Hương ra ngoài phải tiếp tục hoạt động ngay, không được nản chí. Khi ông Mười Hương sắp ra khỏi nhà giam, riêng hai ông Nguyễn Thọ Chân và Lê Toàn Thư viết sẵn hai lá thư, một lá giới thiệu ông Mười Hương với Thường vụ Trung ương Đảng và một lá báo cáo với Trung ương về sự phản bội của tên Quát. Lúc trao thư cho ông Mười Hương, ông Nguyễn Thọ Chân căn dặn, khi nào thoát hiểm nhớ tìm về quê của ông là làng Đông Mỹ, huyện Thanh Trì nay là ngoại thành Hà Nội và tìm mọi cách liên lạc với Đảng để tiếp tục hoạt động. Phút chia tay thật là bịn rịn và chưa hiểu tương lai sẽ ra sao.

Giấu kỹ hai lá thư trong người, ông Mười Hương rất xúc động trước sự quan tâm của nhóm trung kiên và các bậc đàn anh đã gắn bó với nhau hơn một năm vừa qua. Lúc ấy, ông Mười Hương cũng chưa hình dung được những lá thư ấy “thiên” đến mức nào. Đối với ông Mười Hương còn biết bao tình huống bất ngờ, nguy hiểm, thử thách chưa lường hết, cũng như những cám dỗ ở phía trước.

Ông Mười Hương ra khỏi Hỏa Lò, nhưng hai ông Lê Toàn Thư, Nguyễn Thọ Chân cùng một số nữa thì Pháp đày ra ngoài Côn Đảo, mãi sau Cách mạng Tháng Tám mới được rước về đất liền.



## IV

Vừa ra khỏi nhà giam, đầu còn đang bị cạo trọc, ông Mười Hương vội về ngay Thị xã Phủ Lý, để cha mẹ và toàn gia đình yên lòng. Ông được người thân trong gia đình kể lại, thời gian ông bị giam giữ, mẹ ông khóc nhiều lắm. Lúc nào mẹ ông cứ như người bần thần, ngong ngóng mong con về. Cha ông bình tĩnh hơn, nhưng biết việc này khó lắm, vì dính đến chính trị, chỉ nhắc anh ông, tốn thì tốn cũng phải lo cho nó ra. Cả gia đình ai trông thấy ông cũng xót xa, mừng mừng tủi tủi.

Khoảng gần một tháng sau, ông nói với bố mẹ có việc cần lên Hà Nội. Thật ra ông là người đã bị “Nhà nước” bắt, bọn cầm quyền địa phương đã biết, chúng hay dò la, ông ở nhà vừa phiền cho gia đình và cả cho ông nữa, cho nên ông kiếm cớ ra đi.

Lên Hà Nội, ông Mười Hương đạp xe về làng Nhót (Đông Phù, Thanh Trì, quê của ông Nguyễn Thọ Chân). Được cơ sở tin cậy tại đây cho biết ông Hương (bí danh của đồng chí Hạ Bá Cang lúc đó) thỉnh thoảng có qua lại vùng này. Giữ chắc đầu mối liên lạc này, ông Mười Hương kiên trì chờ đợi. Mấy hôm sau, ông Mười Hương nhận được tin đồng chí Hạ Bá Cang cho gặp ở một cái miếu nhỏ giữa cánh đồng. Đây là lần đầu tiên ông Mười Hương được tiếp xúc với đồng chí Hạ Bá Cang, Thường vụ Trung ương Đảng.

Thấy ông Mười Hương ngả mũ chào, tóc trên đầu còn lởm chớm, đồng chí Hạ Bá Cang mỉm cười độ lượng. Đồng chí hỏi ông Mười Hương các chuyện trong nhà tù Hỏa Lò, từ đời sống ăn, ở đến thái độ của bọn cai ngục. Ông lắng nghe rất chăm chú những hoạt động của anh em đang lúc bị giam giữ, đôi lúc tỏ ra xúc động mũi lòng thương xót anh em bị địch đánh đập, ngược đãi. Đồng chí cũng rất quan tâm đến những vụ khai báo làm vỡ cơ sở, nhất là vụ tên Trọng, tên Quát... Thời gian thưa chuyện đã khá lâu, ông Mười Hương

xin phép được cáo từ. Lúc chia tay, đồng chí Hạ Bá Cang thân mật căn dặn ông Mười Hương.

- Cậu ăn mặc thế này về nông thôn dễ lộ lắm, nhất là vừa bị bắt, cậu phải cẩn thận đấy. Bây giờ hãy cứ hoạt động trong Thanh niên cứu quốc Hà Nội, rồi Đoàn thể sẽ cho người bắt liên lạc.

Thế là từ đây, theo con đường lý tưởng đã chọn, ông Mười Hương quyết tâm thoát ly gia đình, đi hoạt động cách mạng chuyên nghiệp. Một bước ngoặt quan trọng của đời ông. Từ đây, cuộc sống của ông gắn bó với Đảng, với phong trào yêu nước của quần chúng; ông quyết tâm theo con đường đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc và hạnh phúc của nhân dân, con người ông thuộc về Đảng, về nhân dân.

Trở về nội thành, ông Mười Hương tiếp tục tìm kiếm, bắt liên lạc với cơ sở Đảng. Ông tìm đến nhà ông Nghiên, ở một ngõ hẻm phố Hàng Bột. Trước kia, nhà này là nơi ông Thôi Hữu và ông thường hẹn tìm gặp nhau trường hợp có “báo động đỏ”. Ông Nghiên đã bị bắt và ông Thôi Hữu lúc này cũng không biết ở đâu. Bà vợ ông Nghiên có vẻ buồn. Nhưng, nhờ qua bà, người cũng đã quen biết ông Mười Hương từ trước, ông được chỉ chỗ ở của ông Thạch.

Ông Mười Hương đến nhà ông Thạch, tên thật là Trung, sau này có thời gian ông Thạch làm Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang và Tổng cục Thủy sản. Thời kỳ Mặt trận Dân chủ, ông Thạch rất tích cực hoạt động trong phong trào báo chí cách mạng công khai của Đảng. Hai người gặp lại nhau rất mừng, nhưng ông Thạch cũng đang trong tình trạng mất liên lạc với Đảng, cho nên chẳng giúp gì thêm cho ông Mười Hương.

Một hôm, vào lúc Hà Nội vừa lên đèn, ông Mười Hương đóng bộ công chức có hạng đến phố Hàng Điếu. Người bạn của chủ nhà cơ sở mừng rỡ cho ông biết, thỉnh thoảng có một người quen hoạt động trong truyền bá quốc ngữ hay lui tới đây.

Vậy là vẫn có hy vọng. Cần kiên trì, ông tự nhủ như thế. Cứ vài ba hôm ông lại đến “săn tìm” và rồi ông cũng tóm được ông Nguyễn Hữu Đang, một người có tên tuổi trong Hội truyền bá quốc ngữ, đóng góp tích cực cho phong trào này. Phút gặp lại nhau rất vui, nhưng ông Nguyễn Hữu Đang cho biết vừa bị Tây tạm giữ. Chúng truy hỏi rất gắt gao, tuy chúng chưa có đủ chứng cứ để có thể bắt và bỏ tù, nhưng chúng vẫn thường xuyên dính đuôi theo dõi. Nét mặt có vẻ buồn, ông Nguyễn Hữu Đang nói:

- Tao đang tính chuyện “lặn” một thời gian đi nơi khác, cho nên lúc này cũng không muốn liên hệ với thằng nào cả. Tình hình này đang khó khăn, địch lòng bất dữ quá, đời yên yên một chút hãy hay. Nhưng, sao mày không tìm, móc với thằng Khoa, Phó Trưởng Ban vận động Truyền bá quốc ngữ của tao trước đây, chuyên tổ chức các cuộc vui lấy tiền mua giấy bút, sách vở cho học sinh nghèo. Khoa nó tháo vát lắm đấy và là người tin cậy, hiện nó đang dạy tiếng Pháp ở trường Tàu, phố Hàng Buồm.

Chiều hôm sau, ông Mười Hương đóng bộ, đầu đội khăn xếp, mặc áo the dài, đi giầy chứng chạc, tìm đến chỗ ở của ông Phạm Văn Khoa.

Hai người biết nhau khi ông Mười Hương tham gia dạy truyền bá quốc ngữ và đã có những buổi họp chung của phong trào với nhau. Không biết có gì hợp nhau không, nhưng ông Mười Hương cảm thấy ông Khoa thích ông, mến ông. Tính tình ông Khoa cởi mở, rất hòa nhã, thẳng thắn, nhưng cũng rất năng động, sôi nổi, giao du quen biết nhiều với tất cả các tầng lớp xã hội, nhất là giới văn nghệ sĩ, bản thân ông Khoa cũng có năng khiếu văn nghệ. Nhờ thạo tiếng Pháp, lại giỏi cả tiếng bạch thoại (Quảng Đông, Trung Quốc), cho nên ông Khoa xin được chân dạy tiếng Pháp ở trường Tàu được gần một năm nay. Ông Khoa được Ban Giám hiệu nhà trường trả lương cao. Một tham biện, công chức chính ngạch, lúc bấy giờ mỗi tháng được lĩnh bốn mươi

nhăm đồng Đông Dương, vậy mà lương của ông Khoa được nhà trường trả tới một trăm sáu mươi đồng.

Sau này, biết ông Phạm Văn Khoa đã tham gia một đoàn thể cách mạng, đã qua thời gian thử thách, ông Khoa là thanh niên có tâm huyết với nhiều đức tính tốt, một người say mê hoạt động sân khấu, ông Mười Hương đã giới thiệu ông Khoa vào Đảng Cộng sản Đông Dương cùng một ngày với ông Nguyễn Văn Mỹ có lúc làm Bí thư Ban Cán sự Tỉnh ủy Bắc Giang.

Do nhu cầu công tác, một thời gian ông Khoa cố dành giờ đi học lớp dạy đánh máy chữ của bà Nguyễn Tăng Phú, một người rất sùng đạo Thiên Chúa, lại rất hăng hái tham gia các hoạt động xã hội, như xây dựng “Nhà ánh sáng” và truyền bá quốc ngữ. Bà Phú cũng rất quý ông Mười Hương.

Sau khi gặp được ông Khoa, ông Mười Hương bớt lo về mặt sinh hoạt đời sống hàng ngày và có điều kiện tiếp tục giao lưu làm quen với giới văn nghệ sĩ. Song thuận lợi cho ông Mười Hương bao nhiêu, thì lại gây khó cho ông Khoa bấy nhiêu. Vì ông Mười Hương mà ông Khoa bị mang tiếng oan.

Chẳng là một buổi sáng sớm, khi ông Mười Hương chia tay với ông Khoa ở góc phố thì người tùy phái nhà trường ở cùng ký túc xá với ông Khoa cũng vừa thức dậy, trông thấy tà áo the dài của ông Mười Hương đi khuất vào ngõ hẻm, ông ta tưởng rằng đó là một người con gái, do đó ông lo lắng tin ông Phạm Văn Khoa đưa vợ vào ngủ qua đêm ở ký túc xá. Kỷ luật nhà trường rất nghiêm, ký túc xá chỉ dành riêng cho những người chưa lập gia đình. Trước tin đồn ấy, ông Khoa cảm thấy ngỡ ngàng với bạn bè giáo viên nhà trường. Nhưng thật khó cãi chính tin thất thiệt đó!

Mấy hôm sau, ông Mười Hương đến thăm ông Đỗ Xuân Hạc (em luật sư Đỗ Xuân Sáng), một huynh trưởng Hướng đạo, cùng trong tổ chức Thanh niên thành Hoàng Diệu, cùng bị bắt một đợt với ông, nhưng được tha. Qua ông Hạc,

ông Mười Hương gặp lại ông Vũ Quý, một huynh trưởng Hương đạo mà ông Mười Hương rất ngưỡng mộ và quý về tài năng cũng như đức độ. Ông Quý coi ông Mười Hương là bạn vong niên, vì ông Quý hơn đến bảy, tám tuổi. Quê ông Vũ Quý ở xã Cống Mỹ, huyện An Dương, tỉnh Kiến An (nay thuộc ngoại thành Hải Phòng). Ông Mười Hương coi ông Vũ Quý là người anh lớn, một thời là thần tượng của ông Mười Hương, không chỉ trong Hương đạo, trong Truyền bá quốc ngữ mà cả trên bước đường chấp chững đi vào hoạt động cách mạng của ông. Gia đình ông Vũ Quý rất nghèo, mới học xong tiểu học, vừa rời ghế nhà trường, ông đã phải đi làm thợ phụ cho xưởng sửa chữa xe ô tô thuộc Công ty vệ sinh Hải Phòng. Chính nhờ lặn lội với trường đời, từ trước thời kỳ Mặt trận Dân chủ, ông Vũ Quý đã được ông Lương Khánh Thiện lúc bấy giờ làm Bí thư Thành ủy Hải Phòng, dìu dắt và kết nạp vào Đảng Cộng sản. Vóc người tầm thước, chắc nịch, da ngăm đen, ông Vũ Quý say mê các môn thể dục, thể thao, nhất là môn bơi, ông bơi rất giỏi. Biết mình học còn kém, ông kiên trì tự học về văn hóa, trau dồi đủ các kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, lại có hiểu biết cả về khoa chiêm tinh. Ông Mười Hương trọng nề và mến ông Vũ Quý về tính trung thực, nhất quán về lời ăn tiếng nói đến việc làm; lối sống giản dị, chan hòa và tôn trọng với mọi tầng lớp nhân dân, nhất là đối với lứa trẻ kém tuổi mình. Địa bàn hoạt động quen thuộc của ông là Hải Phòng, từ thành phố đến các vùng ngoại thành xa, nhất là vùng dân chuyên trồng thuốc Lào mà ông hay đến trên chiếc xe tải chở phân bón. Ông Vũ Quý đã vận động được nhiều thanh niên thuộc các tầng lớp xã hội, nhất là giới văn hóa, văn nghệ Hải Phòng, lôi cuốn họ tham gia hoạt động từ Hương đạo, Truyền bá quốc ngữ sang phong trào Việt Minh.

Khi gặp ông Mười Hương, ông Vũ Quý cho biết, gần đây hoạt động của ông ở Hải Phòng có thể đã bị lộ. Mặt thám Tây và tay sai ở Hải Phòng luôn bám riết, săn đuổi ông.

Một lần chúng đã ập đến khám xét nhà ông, bắt người anh trai trông bề ngoài rất giống ông. Chúng hý hửng tưởng đã tóm được Vũ Quý, là người chúng đang truy tìm. Sau chúng biết là lầm, nhưng chúng vẫn ra lệnh cho tay sai tra tấn rất dã man, đánh đến chết người anh của ông Vũ Quý ngay tại phòng hỏi cung.

Lần này, ông Vũ Quý với tư cách là cán bộ chủ chốt của Ban Cán sự Thành ủy Hải Phòng, lên Hà Nội để họp hội nghị do Xứ ủy triệu tập.

Ông Mười Hương vô cùng mừng rỡ gặp lại ông Vũ Quý, tâm sự hàn huyên với ông Quý mọi chuyện, từ khi bị bắt, ở trong tù, đến lúc được tha ra như thế nào, kể cả việc đã được gặp đồng chí Hạ Bá Cang. Nhưng hiện thời chờ đợi rất sốt ruột, chưa được tổ chức Đảng giao một công tác cụ thể nào.

Thế là ông Vũ Quý sốt sắng nhận giúp ông Mười Hương chấp mối với đồng chí Lê Quang Đạo, lúc này đang làm Bí thư Ban Cán sự Thành ủy Hà Nội và là Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy Bắc kỳ, ông Vũ Quý sẽ gặp trong cuộc họp sắp tới. Thật vô cùng may mắn cho ông Mười Hương!

Cũng cần nói ở đây, lúc gần Tổng khởi nghĩa, ông Vũ Quý được Trung ương điều lên phụ trách Hà Nội, chính ông Vũ Quý đã tìm gặp nhạc sĩ Văn Cao để yêu cầu nhạc sĩ làm một bài hát cho một khóa quân chính sắp mở ở chiến khu. Nhạc sĩ Văn Cao nhận lời và sau đó đã đưa nộp cho ông Vũ Quý bài Tiến quân ca. Ông Vũ Quý rất hài lòng và bài hát đó đến Đại hội quốc dân ở Tân Trào tháng Tám 1945, đã được nhất trí chọn làm bài Quốc ca của nước ta cho đến nay.

Chắc là đã xin ý kiến của các đồng chí Trường Chinh và Hạ Bá Cang, mấy ngày sau, qua sự thu xếp của ông Vũ Quý, đồng chí Lê Quang Đạo tiếp ông Mười Hương tại nhà một cơ sở cách mạng là gia đình anh Dương Đình Hợi, người treo cờ với ông Mười Hương, có bố làm nghề thâu khoán.

Anh Hợi bị Pháp bắt với ông Mười Hương. Khi ra tòa, Pháp kết án anh Hợi tù 20 năm và đưa đi giam ngoài Côn Đảo. Kỷ niệm này khó quên là vì, sau này vào hoạt động ở miền Nam, ông Mười Hương biết anh Hợi sau Cách mạng Tháng Tám được rước về, Xứ ủy phân công làm Bí thư Tỉnh ủy Gò Công, lấy bí danh là Hợi. Năm 1948, một lần trên đường về Khu Tám hợp, anh Hợi bị lính Pháp phục kích bắn chết cùng với người giao thông ở Hóc Dừng, cách thị xã Mỹ Tho khoảng 4 kilômét, có con rạch chảy ra sông Bảo Định. Cán bộ và nhân dân địa phương chôn anh Hợi ở nghĩa trang Hóc Dừng, sau tháng lợi 1975, đưa về nghĩa trang Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

Ông Mười Hương báo cáo mọi chuyện với đồng chí Lê Quang Đạo. Sau đó mấy ngày, đồng chí Lê Quang Đạo giới thiệu cho ông Mười Hương đi học một lớp chính trị ngắn ngày cho cán bộ, đảng viên, do Xứ ủy mở ở địa phận làng Đình Bảng, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, quê của đồng chí Lê Quang Đạo. Vùng này cũng nằm trong ATK của Trung ương.

Một bữa, đồng chí Lê Quang Đạo cho ông Mười Hương biết, ông đã báo cáo với đồng chí Trường Chinh về chuyện ông Mười Hương đã ra khỏi tù và đang theo lớp học do Xứ ủy tổ chức. Ông Mười Hương nhớ đến hai lá thư của nhóm trung kiên nhà tù Hỏa Lò vẫn còn đang giữ. Ông liền nói với đồng chí Lê Quang Đạo và nhờ đồng chí Lê Quang Đạo chuyển hai lá thư đó tới Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Tan lớp học, ông Mười Hương được Xứ ủy Bắc kỳ bố trí tham gia Ban Cán sự Tỉnh ủy Phúc Yên, phụ trách địa bàn từ thị trấn Hương Canh đến huyện Tam Dương, giáp chân dãy núi Tam Đảo và thị xã Vĩnh Yên.

Một thời gian sau, quãng cuối tháng 6/1943, ông Mười Hương nhận được tin, đồng chí Trường Chinh cho gặp. Người giao liên do đồng chí Trường Chinh phái đi tìm ông Mười Hương chính là bà Ngôn, còn có tên là Lịch, vợ ông Lê

Dung, sau này có lúc làm Công tác Đội bên Chính phủ. Bà vốn là người Hà Nam cùng quê với ông Mười Hương, sớm thoát ly gia đình đi hoạt động cách mạng chuyên nghiệp, đã tham gia Ban Cán sự Đảng tỉnh Phúc Yên và ở trong Công tác Đội, trước ông Mười Hương.

Ngày giờ, địa điểm, mật hiệu mà đồng chí Trường Chinh căn dặn, ông Mười Hương thâm nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Cứ tưởng mọi chuyện sẽ diễn ra suôn sẻ. Nào ngờ, đêm trước ngày hẹn, ông Mười Hương ngủ một giấc thật ngon lành, tỉnh dậy ra đến ga thì tàu hỏa đã chuyển bánh rồi. Thế là lỡ tàu. Thật là buồn. Câu chuyện nhớ đời, không bao giờ quên. Đúng mười năm sau, trong một lớp Chính Đảng ở Việt Bắc đồng chí Trường Chinh còn nhắc chuyện đó với ông Mười Hương.

Một tuần sau, vẫn bà Ngôn được phái đến tìm ông Mười Hương. Rút kinh nghiệm lần trước, lần này ông Mười Hương không dùng tàu hỏa mà mượn một chiếc xe đạp tốt, chuẩn bị sẫm lốp thật chu đáo. Suốt đêm ấy, ông Mười Hương không sao ngủ được. Vậy mà sớm tinh mơ hôm sau, vẫn tỉnh táo, gò lưng đạp hơn hai mươi cây số, tới nơi trước giờ hẹn.

Bữa ấy, ở đền thờ Hai Bà Trưng, làng Hạ Lôi (Phúc Yên), ngay phút gặp đầu tiên, ông Mười Hương đã thành thật trình bày với đồng chí Trường Chinh vì sao lần trước lỡ hẹn và ông Mười Hương lấy làm xấu hổ vì chuyện lỡ hẹn này.

Thấy ông Mười Hương thành khẩn nhận khuyết điểm, đồng chí Trường Chinh vui vẻ bỏ qua chuyện đó. Suốt một buổi, từ bảy giờ sáng cho đến quãng trưa, đồng chí Trường Chinh hỏi ông Mười Hương đủ chuyện và lắng nghe ông Mười Hương trình bày. Đối với ông Mười Hương, đó là một cuộc sát hạch thật nghiêm túc của một người thầy đáng kính, lớn hơn ông nhiều cái đầu. Ông Mười Hương nhớ mãi một câu hỏi đột ngột của đồng chí Trường Chinh:

- Người nông dân làm cách mạng để có ruộng đất. Anh công nhân làm cách mạng để có nhà máy. Còn cậu, học sinh con nhà giàu, làm cách mạng để có được cái gì?

Không một chút đắn đo, ông Mười Hương trả lời ngay:

- Thanh niên học sinh như chúng em đi thoát ly hoạt động cách mạng là do lòng yêu nước, muốn sống vì lý tưởng cao đẹp, để biết yêu cái gì, đấu tranh gìn giữ cái gì, ghét cái gì và chống cái gì.

Nở một nụ cười đôn hậu, đồng chí Trường Chinh gật đầu, tỏ ý hài lòng.

Ông Mười Hương rất vui mừng thấy đồng chí Trường Chinh hỏi rất kỹ và lắng nghe ông Mười Hương nói về tình hình mọi mặt của Hà Nội, mà đồng chí Trường Chinh biết ông Mười Hương khá thông thạo. Cũng từ buổi đó, đồng chí Trường Chinh thường gọi ông Mười Hương là “thổ công” Hà Nội.

Và ngay buổi trưa hè nắng gắt đó, ông Mười Hương dùng xe đạp chở đồng chí Trường Chinh trên đường về hướng Hà Nội. Đồng chí Trường Chinh bảo ông Mười Hương không đi theo đường nhựa, mà men theo đường đất ven sông, đến gần bến đò trạm Trôi, nằm trên đường Hà Nội – Sơn Tây, thì đồng chí Trường Chinh chia tay với ông Mười Hương.

Đến lần gặp sau, ở bên bờ sông Hồng, đồng chí Trường Chinh vui vẻ báo cho ông Mười Hương, Thường vụ Trung ương Đảng quyết định rút ông Mười Hương khỏi Ban Cán sự Tỉnh ủy Phúc Yên để nhận công tác mới. Lúc bấy giờ ông Mười Hương cũng chưa rõ mình sẽ nhận nhiệm vụ cụ thể gì.

Mấy hôm sau, bà Ngôn đến gặp và bảo ông Mười Hương thu xếp, theo bà sang Sù, Gạ (Phú Xá, Phú Thượng), bây giờ thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội. Chính tại đây, đồng chí Trường Chinh phân công ông Mười Hương về Công tác Đội ở An Toàn Khu của Trung ương.



Đồng chí Trần Quốc Hương chúc thọ đồng chí Trường Chinh 80 tuổi (người hàng sau bên phải là đồng chí Đặng Xuân Kỳ).



Đồng chí Trường Chinh và phu nhân thăm gia đình đồng chí Trần Quốc Hương.

## V

Ông Mười Hương theo học lớp ngắn ngày cùng với một số cán bộ trong Công tác Đội, do đích thân đồng chí Trường Chinh hướng dẫn. Việc mở lớp huấn luyện ngay trong cơ sở nhà dân thuận lợi, vì chủ nhà thường đi làm đồng cả ngày, chiều mới về.

Về nội dung học tập: Cùng với phần nhiệm vụ, tổ chức của Công tác Đội, có mấy tài liệu toàn lớp được nghe giảng và thảo luận khá kỹ.

Một là Thông cáo của Ban Thường vụ Trung ương về “*Phải dùng đủ mọi cách để chống khủng bố*”, ban hành ngày 16/9/1941, hiện vẫn đang phổ biến trong toàn Đảng, để thực hiện.

Đồng chí Trường Chinh nói rất kỹ về thời kỳ này gọi là thời kỳ địch thực hiện khủng bố trắng, nhằm tiêu diệt Đảng ta, trước hết là bắt cơ quan đầu não lãnh đạo Đảng, nhằm chặt đầu phong trào; lùng bắt cán bộ, đảng viên làm cho dân chúng khiếp sợ, không dám ủng hộ cách mạng, cho nên hoạt động của ta phải hết sức cẩn thận.

Đồng chí Trường Chinh dẫn những lời trong Thông cáo của Trung ương đã viết: Đế quốc Pháp tiến hành cuộc khủng bố mới, ta bị thiệt hại nhiều, phần lớn là do ta làm ra chứ không phải giặc tài giỏi như người ta tưởng. Nếu ta xét những nguyên nhân thất bại thì ta thấy bảy phần mười là do ta kế hoạch kém, chủ trương sai, tổ chức vụng về, hành động vô nguyên tắc. Nhất là gần đây, các đảng bộ phạm nhiều xu hướng sai lầm có lợi cho chính sách khủng bố của đế quốc. Trung ương nhận thấy mấy xu hướng nguy hại này như sau:

“Không mau chuyển hướng công tác, thay đổi cách làm việc cho hợp với tình thế mới, dặng kịp thời đối phó với chính sách khủng bố của đế quốc đã biến đổi. Từ khi Pháp

mất nước đến lúc Nhật chiếm Lạng Sơn, giặc Pháp ở Đông Dương hoang mang sợ sệt và giằng co với Nhật, Xiêm nên chúng chưa tiện thẳng tay khủng bố. Nhưng sau khi chúng đầu hàng Nhật sát đất, xin tình nguyện làm tên đầy tớ cho phát xít Nhật và “tạm thời” hòa hoãn với Nhật thì chúng quay ra khủng bố cách mạng để giữ vững hậu phương cho Nhật. Và Đông Dương đã thành một thứ thuộc địa của Nhật. Chúng lại nhân mấy cuộc khởi nghĩa thất bại, kiếm cơ khủng bố tàn nhẫn. Giữa lúc chính sách của giặc Pháp có chỗ biến chuyển ấy, chúng ta không biết kịp thời thay đổi cách làm việc, điều động cán bộ bị lộ đi, hoạt động bí mật hơn, vẫn cứ khờ khạo, sơ sài, lỏng lẻo. Nhiều khi đế quốc chỉ nhằm chỗ hờ hênh của mình để phá mình. (Cuộc thất bại ở Liên ủy Bắc kỳ là một thí dụ).

“Không nhận rõ sự biến chuyển của tình thế mà đề phòng, đến khi bị khủng bố lại đâm hoảng, mất tinh táo và trầm tĩnh. Thậm chí có một số thủ tiêu tranh đấu, bỏ phương pháp rải truyền đơn, hơn nữa tự mình tăng bốc lực lượng khủng bố của quân thù, dèm pha lực lượng cách mạng đoàn thể, hoài nghi quần chúng, sợ quần chúng... Thành ra quần chúng ít giác ngộ sợ khủng bố một phần thì chính mình lại làm cho quần chúng sợ gấp hai phần, chính mình lại làm cho quần chúng hoài nghi cách mạng và thiếu tin vào quyền lãnh đạo của Đảng. Có nơi đảng bộ này thường không biết phát triển phong trào ra địa phương cho đều đặn, bao nhiêu cán bộ khác tự quanh quẩn ở chỗ có cơ sở quần chúng tương đối mạnh nhất. Đến lúc chính chỗ đó bị khủng bố thì các đồng chí phụ trách đành bỏ chạy, không còn địa điểm trong vùng để trú chân đảng củng cố lại, hàn gắn lại nơi vừa bị khủng bố”.

“Nhiều nơi các đồng chí bị khủng bố thường hay chạy hoảng loạn làm rối loạn cả hệ thống tổ chức của Đảng và của Mặt trận. Thí dụ, cán bộ nơi này bị khủng bố chạy dồn cả về nơi kia mà không báo trước cho nơi ấy biết đảng bố trí

việc thu dung. Thành ra cán bộ vào cả một nơi, làm cho nơi ấy bị lộ tẩy”.

“Có nơi các đồng chí phụ trách gặp khủng bố bỏ quần chúng và đồng chí địa phương chạy đi hàng tháng, không chịu trở lại, để mất mỗi khi cho đảng bộ địa phương bị thiếu chỉ đạo, phạm nhiều khuyết điểm sai lầm, khác nào cứ giương mãi sườn cho đế quốc đập. Một số đồng chí chạy hoảng như thế, đã không biết bám lấy quần chúng đảng tìm hết cách vượt qua mọi nỗi khó khăn, lại còn đòi hỏi Đảng bảo đảm an toàn cho riêng cá nhân mình. Trước xu hướng ấy đảng bộ địa phương (như ở Bắc kỳ) đã không biết giải thích cho họ, không có chủ trương chung đảng giải quyết vấn đề người bị chạy, rồi điều động họ đi, giao cho họ mỗi người một công tác nhất định, lại gây cho họ một ảo tưởng là sẽ được Đảng đưa đi “chiến khu”. Thành ra họ cứ ăn chực nằm chờ... chính họ sinh ra sợ sệt, mất tinh thần, vì họ chỉ ngong ngóng sự “võ trang tự vệ” ở “chiến khu” mà không biết rằng *không có sự tự vệ võ trang nào bằng những tổ chức mạnh mẽ của quần chúng*, một thứ áo giáp của Đảng, một thứ thành lũy của Đảng”.

“Có nơi đại biểu chỉ hô hào suông để cố khuyến khích, cố gắng nêu cao tinh thần của đồng chí và quần chúng. Khác nào một ông thầy thuốc diễn thuyết hùng hồn trước bệnh nhân rằng nhất định bệnh sẽ khỏi, nếu không khỏi lập tức bốc thuốc cấp cứu cho bệnh nhân.

“Nơi thì đảng bộ hoàn toàn bị động đành hứng chịu lấy khủng bố của đế quốc tuyệt không có một phương pháp tích cực gì để chống khủng bố hoặc giảm bớt hiệu quả của sự khủng bố. Rồi lại có khuynh hướng tả khuynh theo đuôi quần chúng khủng bố cá nhân, đề ra khẩu hiệu “lập tòa án quân sự cách mạng”, một khẩu hiệu rỗng tuếch không hợp trong lúc này, một khẩu hiệu biểu lộ một tinh thần hoảng hốt, dao động, không đủ trầm tĩnh để nhận rõ trách nhiệm

khủng bố và đặt một chính sách chống khủng bố một cách xác thực (Lâm thời Xứ ủy Bắc kỳ)".

Đồng chí Trường Chinh nhấn mạnh: *Lúc này tranh đấu chống khủng bố là một bộ phận của phong trào tranh đấu cứu quốc*. Các đồng chí phải làm ngay những việc dưới đây:

Cần dùng báo chí truyền đơn, tranh vẽ những buổi nói chuyện, khai hội mít tinh vạch rõ tội ác của Pháp – Nhật; giải thích ý nghĩa cuộc khủng bố mới cho quần chúng, khiến cho quần chúng không ngạc nhiên sợ sệt trước những thủ đoạn bạo ngược hung tàn của quân cướp nước và biết cách đối phó lại. Đồng thời nêu cao những gương anh dũng của các chiến sĩ chết vì nước trong những cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, Đô Lương, Bắc Sơn và của các chiến sĩ hy sinh dưới sự tra tấn của quân địch, những gương chiến đấu của bốn đồng chí Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai... Nên mở những cuộc truy điệu những đồng chí hy sinh một cách oanh liệt.

Đối với bọn phản động, nên hết sức thuyết phục bọn phản động vô ý thức, nhất là bọn lý hào, vì địa vị đã giúp để quốc đàn áp cách mạng. Còn đối với bọn phản động bất trị, phải lột mặt nạ chúng bằng vẽ ca, truyền đơn, tranh vẽ, biểu ngữ để chúng không thể che mặt nạ lừa dối, khiêu khích, ám hại đồng bào, khéo tuyên truyền trong đám thân thuộc, bạn bè, đồng hương, đồng quận với chúng, đặng gây ra một bầu không khí khó thở với chúng, làm cho quần chúng tự giác ngộ về hành vi phản quốc của chúng và phản đối chúng. Nhưng đồng thời phải tránh những hành động lỗ lã khiêu khích chó săn, khiêu khích phản động (như ở Hải Dương, Hà Đông và Vĩnh Yên, Bắc kỳ). Nhất là tẩy trừ xu hướng khủng bố cá nhân, nó là một biến chứng của cải lương chủ nghĩa và một trạng thái của vô chính phủ chủ nghĩa. Nó lại làm cho các đồng chí xao lãng hẳn những phương pháp cần kíp và thiết thực chống khủng bố. Các đồng chí nên nhớ rằng: phương pháp khủng bố cá nhân chỉ

thích ứng trong những điều kiện cần thiết đặc biệt, và một đảng quần chúng như Đảng ta, không thể có cái quan niệm tiểu tư sản "sát nhất nhân, vạn nhân sợ" (giết một người, muôn người sợ) như báo Du kích ở đặc biệt Khu đảng.

Phải luôn luôn liên lạc hàng ngũ để tẩy trừ bọn khiêu khích. Chúng chui vào Đảng không những để trực tiếp phá các tổ chức của Đảng mà còn lợi dụng trình độ thấp kém của các đồng chí địa phương để xướng những chủ trương khiêu khích sai lầm đặng phá hoại chính sách của Đảng hoặc gieo rắc những tư tưởng hoài nghi dao động trong hàng ngũ của Đảng hoặc gây bè phái để chia rẽ quần chúng nhân dân, chia rẽ Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế. Các đồng chí các cấp bộ phải hết sức thận trọng khi tổ chức người vào Đảng cũng như phải biết luôn luôn tỉnh táo để nhằm gạt những phần tử hai mặt ra ánh sáng mặt trời. Ngay từ nay các cấp bộ phải bắt đầu mở một cuộc kiểm tra nội bộ. Nơi nào xét ra cần và nếu được thượng cấp đồng ý, phải lập tức thanh trừng nội bộ.

Các đảng bộ và các cấp đảng phải thường trao đổi kinh nghiệm thất bại cho nhau. Sau mỗi một việc thất bại, phải lập tức xét rõ nguyên nhân để huấn luyện cho các đồng chí và để tiện việc trao đổi kinh nghiệm mới cho các nơi. Phải báo cáo lên thượng cấp những kinh nghiệm thất bại mới ấy. Phải huấn luyện thủ đoạn bí mật cho các đồng chí biết đối phó trong khi bị bắt và bị giam. Những thủ đoạn bí mật phải được bồi bổ luôn luôn bằng những kinh nghiệm mới.

Đối với cán bộ, phải bảo tồn cán bộ chưa phải đảng viên. Không nên điều động lung tung và ném cán bộ nơi này sang nơi kia một cách vô lối. Nhưng cố nhiên, đồng chí nào lộ, xét ra cần phải điều đi nơi khác, thì phải lập tức thi hành ngay (một vài đồng chí Liên A bị lộ). Nhưng có xu hướng quen làm việc địa phương, cứ đâm ý để thất bại như thế là liều lĩnh dung tục, chứ không phải hy sinh chính đáng...



Lúc này hơn lúc nào hết các đồng chí phải tôn trọng kỷ luật, tôn trọng nguyên tắc làm việc và nguyên tắc tổ chức của Đảng. Cố nhiên không phải tôn trọng một cách máy móc...

Tài liệu thứ hai là *Chỉ thị về công tác tổ chức*, do đích thân đồng chí Trường Chinh thảo ra, ban hành ngày 1/12/1941. Đây là một chỉ thị quan trọng, nói về công tác tổ chức chung của Đảng, nhưng có nhiều điểm Công tác Đội phải thực hiện ở An Toàn Khu.

Chỉ thị nói rõ: Mục đích là làm cho Đảng xứng đáng là đội tiên phong có tổ chức của giai cấp vô sản; một Đảng thật quần chúng có cơ sở vững vàng trong quần chúng; thực hiện sự thống nhất trong toàn Đảng; đoàn kết được hết thấy các lực lượng phản đế, chỉ huy các lực lượng ấy trong cuộc tranh đấu giải phóng.

Muốn đạt mục đích ấy, Chỉ thị nêu ra 7 khuyết điểm đương mắc phải như sau: 1. Không mở rộng tổ chức chi bộ xí nghiệp tại những nơi tập trung nhiều quần chúng vô sản; 2. Tổ chức Đảng quá sơ sài, hủ lậu khiến cho đảng dễ bị phá, mối giao thông hay bị đứt, cơ quan dễ bị lộ; 3. Thiếu óc thực tế trong công tác tổ chức, chuộng hình thức khiến cho nhiều Ban Chấp hành của Đảng và của hội quần chúng chỉ có danh không có thực; 4. Không biết rõ công tác tổ chức cái nào là cái chính cần phải làm ngay và đặt những ban chuyên biệt phụ trách công việc ấy; 5. Đảng và tổ chức quần chúng còn nhiều nơi lộn xộn, không được ngăn nắp; 6. Nơi thì tổ chức Đảng và quần chúng quá hẹp hòi, cô độc khiến cho phong trào chậm phát triển, nơi thì tổ chức quá cầu thả, khiến cho bọn phản động có thể chui vào; 7. Không biết lợi dụng những tổ chức công khai và bán công khai để gây ảnh hưởng trong số quần chúng đã làm theo địch nhân hay chịu ảnh hưởng của địch nhân.

Chỉ thị đề ra *Phương châm tổ chức của Đảng ta lúc này là rộng rãi, thực tế và khoa học* và những công tác cần

làm trong Tổ chức Đảng; Tổ chức quần chúng và Tổ chức tranh đấu.

Về *Tổ chức Đảng*: Trong mục 1. *Củng cố và mở rộng cơ sở Đảng*, Chỉ thị viết: Chi bộ là tổ chức đơn vị của Đảng. Số chi bộ có nhiều thì cơ sở Đảng mới rộng. Hiện thời Đảng ta không những ít chi bộ, mà có nhiều chi bộ eo hẹp, sống một cách thoi thóp. Có nơi trong một thành, một tổng hay một huyện chỉ có ba, bốn đồng chí hoạt động riêng rẽ, không có liên lạc mật thiết với thượng cấp, hàng tháng mới được gặp đồng chí phụ trách của đảng ủy địa phương. Các đồng chí làm việc riêng rẽ đó khác nào bị ném vào một xó. Vậy cần tổ chức ngay các đồng chí ấy thành chi bộ ghép (cellule des attaches, cellules mixtes) để các đồng chí ấy bầu bí thư liên lạc với thượng cấp, để họ bàn bạc với nhau. Có khi một đồng chí một tổng thuộc về một huyện này cũng có thể họp với vài đồng chí ở tổng bên cạnh mặc dầu ở huyện khác làm thành một tiểu tổ ghép để tiện khai hội. Không nên câu lè về chỗ các đồng chí ấy không làm việc cùng một huyện mà không tổ chức các đồng chí ấy vào một chi bộ, để các đồng chí rời rạc chán nản. Trong một xóm lao động có ba đồng chí làm việc tại ba nhà máy khác nhau, mà tại ba nhà máy đó, đều chưa có chi bộ xí nghiệp, thì ba đồng chí phải họp thành chi bộ chỗ ở tại xóm lao động..

Số chi bộ nhiều cũng chưa đủ. Đảng còn cần phải có *nhiều chi bộ xí nghiệp* thì cơ sở Đảng mới được vững chắc và thành phần vô sản của Đảng mới được tốt đẹp..

Muốn cho Đảng mau phát triển, Trung ương Hội nghị lần thứ Tám đã ra nghị quyết bắt buộc mỗi đồng chí sau một thời gian nhất định phải giới thiệu một đồng chí mới vào Đảng. Các Xứ ủy phải tùy địa phương mà gia hạn cho các đồng chí. Nhưng các đồng chí không được vợ liêu những phần tử phức tạp vào Đảng, có khi vì sự cầu thả của các đồng chí mà đến nỗi khiến cho Đảng bị phá từ trong phá ra..

Muốn cho Đảng (và Mặt trận) được mau phát triển, phải tổ chức những Công tác Đội, giao trách nhiệm gây dựng và mở rộng cơ sở Đảng trong một địa phương. Công tác Đội phải gồm những đồng chí tích cực, có thủ đoạn, có kinh nghiệm, chịu thương chịu khó, đi thẳng xuống quần chúng mà hoạt động. Đến một nơi nào Công tác Đội phải lập tức xem xét hoàn cảnh mà đặt kế hoạch tiến hành, tìm hết cách vượt những khó khăn trở ngại..

Một cách khiến cho cơ sở của Đảng được củng cố là: *Làm thế nào cho chi bộ sinh hoạt đều đặn.* Mỗi đồng chí phải làm việc trong một tổ chức của Đảng, hoạt động trong các hội quần chúng. Những phần tử lờ phờ, truy lạc lười biếng, khả nghi đều phải đuổi ra khỏi Đảng.

## 2. Thống nhất tổ chức Đảng

Hiện thời có nhiều đảng bộ bị đứt mối rời rạc (nhất là đảng bộ Nam kỳ). Lại có nhiều đảng bộ khác thống nhất một cách ép uổng, hình thức vô điều kiện, thống nhất bên trên làm vì, mà sự thực bên dưới không có cơ sở. Vậy các đồng chí phải mau mau thống nhất theo những nguyên tắc dưới đây:

a) Trong một xứ (thí dụ Nam kỳ) những tỉnh hay những liên tỉnh không liên lạc với nhau mà cơ quan chỉ đạo xứ về thực tế cũng không còn nữa, thì đảng bộ tỉnh hoặc liên tỉnh này cần phải chấp lại mối liên lạc với đảng bộ tỉnh hoặc liên tỉnh kia bằng hai cách:

1) Hỏi các đồng chí hay quần chúng tổ chức xem ai có mạnh mối gì với địa phương mình muốn chấp mối lại, thì lập tức cho đi tìm mối.

2) Nếu không có một ai biết mối nữa, thì phải giao kế hoạch cho một số đồng chí đến địa phương mình muốn chấp mối, để vận động gây cơ sở rồi tìm mối với địa phương sau. Có khi phát truyền đơn ở nơi mình định chấp mối đảng thăm dò dư luận và tìm ra đảng bộ địa phương còn sót lại.

Nhưng phải hết sức cẩn thận. Một đảng bộ mất liên lạc lâu ngày với thượng cấp sau cơn khủng bố dữ dội, thường hay hủ hóa. Một khi đã nối liên lạc được với những đảng bộ ấy, phải cải tổ lại, có khi phải chọn phần tử tốt tổ chức ra đảng bộ mới.

b) Trong một xí nghiệp lớn chia ra nhiều bộ phận gần nhau, mỗi bộ phận có nhiều nhà máy, thì những đồng chí trong xí nghiệp ấy phải họp thành một chi bộ, chứ không phải nhiều chi bộ. Nhưng nếu đồng chí đã khá đông thì chi bộ ấy có thể tùy theo vị trí của từng bộ phận xí nghiệp họp thành một phân bộ, tổng số các phân bộ trong xí nghiệp họp thành một chi bộ xí nghiệp.

Mỗi bộ phận có thể gồm nhiều tiểu tổ. Trong một làng, một xã chia ra nhiều thôn, xóm cách nhau, thì những đồng chí trong thôn, xóm ấy họp thành phân bộ ở thôn, xóm, tổng số các phân bộ các thôn, xóm trong một làng họp thành chi bộ làng.

c) Một tổng chưa đủ điều kiện thống nhất toàn tổng và chưa có tổng ủy thì chi bộ lẻ loi của tổng ấy phải tạm thời sát nhập với đảng bộ tổng bên cạnh và chịu quyền chỉ huy của tổng ủy tổng ấy.

Một huyện chưa đủ điều kiện thống nhất toàn huyện và chưa có huyện ủy, thì huyện lẻ loi của huyện ấy phải tạm thời chịu sự chỉ huy của đảng bộ huyện bên cạnh và chịu quyền chỉ huy của Huyện ủy huyện ấy.

Trong một tỉnh mới có một ít chi bộ lẻ tẻ mà Xứ ủy không thể trực tiếp chỉ huy được, thì Xứ ủy phải xem chi bộ nào khá nhất trong tỉnh giao quyền cho chi bộ ấy chỉ huy các chi bộ kia hoặc phải cho những chi bộ ấy tạm thời sáp nhập với đảng bộ tỉnh bên cạnh và chịu sự chỉ huy của Tỉnh ủy tỉnh ấy.

Đảng bộ một tỉnh thuộc về một xứ đứt mối với cơ quan chỉ đạo xứ mình, hoặc xứ mình chưa thống nhất được thì

phải do Trung ương trực tiếp chỉ huy, hoặc chiếu theo mệnh lệnh của Trung ương tạm thời chịu sự chỉ huy của đảng bộ xứ bên cạnh cho đến khi nào tìm được mỗi xứ ủy xứ mình hoặc chính xứ mình đã bầu được ban xứ ủy.

d) Về việc thống nhất tổ chức, phải tẩy trừ hình thức chủ nghĩa. Hiện thời có nhiều ban liên ủy chỉ có hư vị, các đồng chí liên ủy không có công tác thường trực và quần chúng đảng viên hạ tầng chi bộ. Bởi vậy phải giải tán những ban liên ủy nào xét ra không cần thiết để cho các đồng chí xuống làm việc tại các cấp dưới. Như thế vừa đòi ra được một số cán bộ chỉ huy, vừa trừ được thói làm việc bàn giấy, trừ được quan liêu chủ nghĩa. Đặc biệt ở Trung kỳ, địa thế dài, giao thông không tiện, liên ủy là cơ quan cần thiết. Còn các xứ khác, liên ủy không phải là một cấp ủy nhất định phải có của Đảng..

Chú ý rằng, trong một xứ những tỉnh gần nhau vẫn họp thành liên ủy tuy không nhất thiết phải có ban liên ủy. Và muốn cho công tác của Đảng trong liên được thống nhất thì chỉ ít mỗi tháng các bí thư các tỉnh ủy phải họp hội nghị liên tỉnh để bàn bạc các công việc và trao đổi kinh nghiệm. Hội nghị liên tỉnh phải ủy cho một vài đồng chí giữ việc giao thiệp với thượng cấp để tránh cho Xứ ủy khỏi phải trực tiếp giao thiệp với các tỉnh ủy.

Tỉnh nào không đủ điều kiện thống nhất toàn tỉnh (thí dụ cả tỉnh mới có ba phủ, huyện tổ chức, mà mỗi phủ huyện mới có một chi bộ) thì chưa nên tổ chức ra ban tỉnh ủy vì như thế chỉ là hình thức. Vậy chi bộ nào tương đối mạnh nhất sẽ được Xứ ủy giao quyền cho chỉ huy đơn đốc hai chi bộ tại hai phủ huyện kia (như điều lệ Đảng đã nói) hoặc ba chi bộ cử đại biểu khai hội bầu ra Ban cán sự tỉnh chưa có quyền hạn ngang như một tỉnh ủy lâm thời hay một tỉnh ủy chính thức. Nó chỉ là hình thức tổ chức quá độ để đi đến tỉnh ủy lâm thời hay tới tỉnh ủy...

Đặc biệt các thành thị vì chiếm một địa vị chính trị quan trọng và có quần chúng tập trung nên có thể tổ chức ngay Ban thành ủy lâm thời, nếu có ba chi bộ ở ba khu, ba phố hoặc ba xí nghiệp không cùng trong một khu..

### 3. Tổ chức các ban chuyên môn

Theo Nghị quyết Trung ương tháng 5/1941 thì hiện thời những ban chuyên môn sau này phải có ngay: a) Ban tuyên truyền, huấn luyện; b) Ban công vận; c) Ban binh vận; d) Ban tài chính.

Nhưng xét hiện thời bọn phát xít Pháp, Nhật dùng hết cách lôi kéo thanh niên, chúng định tuyển các cán bộ xung phong của chúng trong thanh niên, nên mỗi xứ cần phải cố gắng thành lập ngay Ủy ban thanh vận..

### 4. Tổ chức đảng đoàn trong các đoàn thể cứu quốc

Đảng Cộng sản là tổ chức cao hơn hết của giai cấp vô sản. Nghĩa là bên dưới Đảng Cộng sản còn có những tổ chức thông thường của quần chúng vô sản và của các tầng lớp ngoài vô sản. Đảng phải lãnh đạo những tổ chức ấy, nhưng lãnh đạo bằng thuyết phục, bằng cách đề nghị trong các hội quần chúng.

Muốn thế, những người cộng sản phải vào làm việc trong các hội quần chúng đề nghị ý kiến của Đảng trong các hội đó, làm cho đa số quần chúng tán thành chủ trương của Đảng. Như thế là Đảng lãnh đạo quần chúng.

Những người cộng sản trong một tổ chức quần chúng (và trong ban chấp hành của hội quần chúng, nếu hội quần chúng to rộng và số đảng viên trong hội quần chúng khá đông) phải họp thành Đảng đoàn. Đảng đoàn phải bầu thư ký để giao thiệp với ban chấp hành các cấp tương đương của Đảng.

Sau phần về Tổ chức Đảng, Chỉ thị nói về Tổ chức quần chúng, về Ủy ban vận động Việt Minh; Đội tự vệ và tiểu tổ du kích..